TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC
PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ - HSSV

DANH SÁCH ĐIỂM DANH HSSV THAM DỰ VÀ LÀM BÀI KIỂM TRA TUẦN SHCD 2016 - 2017

(Đính kèm Thông báo số 169/TB-CNTĐ-SV ngày 31/10/2016)

Khoa Cơ khí Chế tạo máy

MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
Khóa 2013										
1351CK0543	Huỳnh Tấn	Đạt	21/02/1995	CD13CK2	11643	3245		**2**	6.8	
1351CK0855	Huỳnh Nhật	Tân	19/05/1995	CD13CK3	11648	3250		**2**	10	
1351CK0972	Hà Đình	Đô	04/06/1994	CD13CK4	11681	3385		**2**		(1)
Lớp CD14CK1										
1451CK0244	Nguyễn Văn	Cường	02/01/1996	CD14CK1				**0**		(2)
1451CK0150	Lê Tấn	Đạt	14/09/1996	CD14CK1	11795			**1**		(1)
1451CK0245	Nguyễn Tấn	Đạt	13/10/1996	CD14CK1				**0**		
1451CK0142	Vũ Hà Thanh	Dương	11/08/1996	CD14CK1				**0**		
1451CK0091	Huỳnh Tấn	Duy	05/10/1996	CD14CK1				**0**		
1451CK0208	Nguyễn Thành	Duy	22/08/1996	CD14CK1				**0**		(2)
1451CK0054	Chế Thanh	Giang	10/09/1996	CD14CK1	3458	11686		**2**	10	
1451CK0207	Bùi Văn	Hà	26/02/1996	CD14CK1				**0**		(2)
1451CK2097	Nguyễn Thanh	Hải	05/08/1996	CD14CK1				**0**		
1451CK0342	Phạm Trí	Hào	20/06/1996	CD14CK1				**0**		
1451CK0065	Tăng Thiên	Hòa	17/11/1996	CD14CK1	3254	11626		**2**	7.6	
1451CK0048	Phan Chính	Hoàng	15/06/1996	CD14CK1	3320	11610		**2**	10	
1451CK0214	Nguyễn Lê	Hoàng	06/04/1996	CD14CK1				**0**		
1451CK0230	Lê Thanh	Hoàng	10/06/1996	CD14CK1	3340			**1**		(1)
1451CK0179	Phạm Quốc	Huy	03/01/1996	CD14CK1				**0**		
1451CK0273	Ngô	Khoa	22/09/1996	CD14CK1				**0**		
1451CK0395	Tiết Huỳnh Đăng	Khoa	30/01/1996	CD14CK1				**0**		(2)
1451CK0164	Trần Kim	Lâm	11/06/1996	CD14CK1				**0**		(2)
1451CK0441	Nguyễn Thành	Long	02/09/1994	CD14CK1	11217			**1**		(1)
1451CK0399	Võ Văn	Nhân	28/01/1996	CD14CK1	3339	11816		**2**	7.6	
1451CK0442	Nguyễn Quốc	Quân	10/05/1996	CD14CK1	11657			**1**	10	
1451CK0068	Vương Dũng	Quyền	01/02/1996	CD14CK1	3241	11796		**2**	9.6	
1451CK2120	Nguyễn Hải	Sơn	24/04/1996	CD14CK1				**0**		
1451CK0339	Nguyễn Thái	Sỹ	30/04/1995	CD14CK1				**0**		
1451CK0246	Văn Công	Tài	24/08/1993	CD14CK1				**0**		(2)
1451CK0334	Nguyễn Nhất	Tây	10/08/1995	CD14CK1				**0**		
1451CK0001	Trần Ngọc	Thắng	20/07/1995	CD14CK1				**0**		(2)
1451CK0361	Trần Duy	Thanh	04/07/1996	CD14CK1	3240	11649		**2**	10	
1451CK0333	Phạm Huy	Thành	13/10/1996	CD14CK1	11309			**1**	10	
1451CK0444	Nguyễn Tuấn	Thành	15/07/1996	CD14CK1				**0**		
1451CK0381	Huỳnh Văn	Thảo	17/12/1995	CD14CK1				**0**		
1451CK0431	Vũ Phạm Thái	Thiên	10/10/1996	CD14CK1				**0**		(2)
1451CK0051	Phạm Đăng	Thủ	20/08/1996	CD14CK1	3365	11815		**2**	9.2	
1451CK0053	Lê Văn	Thưởng	06/01/1996	CD14CK1	3218	11814		**2**	9.2	
1451CK0416	Lê Văn	Tín	11/11/1996	CD14CK1	3242	11818		**2**	8.8	
1451CK0157	Bùi Thanh	Trí	11/05/1996	CD14CK1	3255			**1**		(1)
1451CK0424	Nguyễn Minh	Trung	19/04/1988	CD14CK1				**0**		(2)
1451CK0305	Lữ Thanh	Tuấn	30/03/1996	CD14CK1				**0**		

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
1451CK0249	Phạm Hồng	Yên	28/11/1996	CD14CK1				**0**		(2)
Lớp CD14CK2										
1451CK0645	Huỳnh Quốc	Cường	16/09/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK0588	Đoàn Xuân	Đại	04/03/1996	CD14CK2	3407	11391		**2**	10	
1451CK2128	Nguyễn Công	Đại	27/01/1996	CD14CK2	3404	11652		**2**	8	
1451CK0718	Nguyễn Tiến	Đạt	21/07/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK0672	Nguyễn Minh	Đức	25/05/1996	CD14CK2	3409	11395		**2**	10	
1451CK0580	Phạm Minh	Dương	21/11/1996	CD14CK2	11611			**1**	10	
1451CK0719	Nguyễn Ngọc	Dương	01/01/1996	CD14CK2	11608			**1**	10	
1451CK0785	Phan Thanh	Dương	27/09/1995	CD14CK2	3232	11604		**2**	10	
1451CK0576	Nguyễn	Duy	17/05/1996	CD14CK2	3401			**1**	9.6	
1451CK0637	Nguyễn Phỉ	Duy	26/06/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK0535	Lê Hoàng	Giang	17/06/1996	CD14CK2	3402			**1**	10	
1451CK0734	Lê Ngọc	Ha	09/02/1996	CD14CK2				**0**		(2)
1451CK0685	Trần Anh	Hào	02/08/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK0722	Thái Văn	Hiền	14/02/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK0454	Nguyễn Minh	Hoàng	18/12/1996	CD14CK2	3251			**1**	10	
1451CK0512	Nguyễn Văn	Hoàng	20/12/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK2122	Lê Đức	Hoàng	02/03/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK0459	Phạm Văn	Hoạt	06/01/1996	CD14CK2				**0**		(2)
1451CK0741	Nguyễn Xuân	Hội	23/02/1996	CD14CK2	3403	11390		**2**	7.2	
1451CK0776	Trang Hữu	Hưng	14/08/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK0703	Nguyễn Gia	Lộc	06/04/1996	CD14CK2	3410	11385		**2**	10	
1451CK0528	Nguyễn Thanh	Nhã	18/10/1996	CD14CK2	11647			**1**	10	
1451CK0549	Hồ Thanh	Nhàn	09/10/1996	CD14CK2	3311			**1**		(1)
1451CK0520	Bùi Lập	Quốc	22/06/1996	CD14CK2				**0**		(2)
1451CK0671	Nguyễn Pha	Sol	16/09/1995	CD14CK2	3408	11392		**2**	10	
1451CK0522	Bùi Thanh	Tâm	13/06/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK0601	Nguyễn Chí	Tâm	21/06/1996	CD14CK2				**0**		(2)
1451CK0678	Võ Minh	Tân	01/04/1996	CD14CK2	3406	11609		**2**	10	
1451CK0665	Nguyễn Văn	Tiến	10/09/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK0458	Nguyễn Duy	Tín	05/01/1996	CD14CK2	3388	11388		**2**	9.6	
1451CK0479	Nguyễn Trọng	Tín	22/07/1996	CD14CK2	11646			**1**	10	
1451CK0586	Võ Thành	Tôn	28/06/1996	CD14CK2				**0**		(2)
1451CK2385	Lê Minh	Trí	12/01/1996	CD14CK2				**0**		(2)
1451CK2129	Dương Đức	Trịnh	05/09/1995	CD14CK2				**0**		
1451CK0639	Phùng Quang	Trung	20/09/1996	CD14CK2				**0**		
1451CK2351	Trịnh Hoài	Viên	08/02/1996	CD14CK2				**0**		(2)
1451CK0590	Đoàn Bá	Vỹ	02/12/1996	CD14CK2	3364	11393		**2**	10	
Lớp CD14CK3										
1451CK0898	Phạm Võ Thanh	Bình	16/09/1996	CD14CK3	3360	11639		**2**	10	
1451CK0917	Nguyễn Thái	Bình	03/05/1996	CD14CK3	3217			**1**	10	
1451CK1065	Dương Tấn	Đạt	08/09/1996	CD14CK3	11752			**1**	10	
1451CK0982	Võ Thành	Dương	23/08/1996	CD14CK3				**0**		
1451CK1007	Trịnh Đăng	Hà	08/09/1995	CD14CK3	3361	11750		**2**	10	
1451CK0927	Phạm Trung	Hậu	24/08/1995	CD14CK3	11748			**1**		(1)

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
1451CK1067	Bùi Nhật	Hậu	31/12/1996	CD14CK3				**0**		(2)
1451CK1000	Nguyễn Ngọc	Hiệp	13/01/1995	CD14CK3	11369			**1**	10	
1451CK0858	Nguyễn Từ Cao Trung	Hiếu	20/05/1996	CD14CK3				**0**		
1451CK1029	Lê	Hoàng	04/01/1996	CD14CK3	3231	11824		**2**	9.2	
1451CK0896	Ngô Quốc	Hưng	27/11/1996	CD14CK3				**0**		
1451CK2131	Vũ Quang	Huy	01/10/1994	CD14CK3	3359	11683		**2**	10	
1451CK0935	Trần Diệp	Khánh	02/06/1996	CD14CK3				**0**		
1451CK0792	Phạm Võ Hồng	Lê	04/02/1996	CD14CK3	11603			**1**	8.8	
1451CK0793	Võ Thành	Long	30/08/1996	CD14CK3				**0**		
1451CK0926	Trần Văn	Mận	10/01/1995	CD14CK3				**0**		(2)
1451CK1071	Trần Văn	Nhớ	20/12/1994	CD14CK3	11612			**1**	7.6	
1451CK0950	Hà Hùng	Phi	05/02/1996	CD14CK3				**0**		
1451CK2376	Nguyễn Hằng	Phong	25/01/1995	CD14CK3				**0**		
1451CK2402	Trần Hoàng	Phú	28/02/1995	CD14CK3	3215			**1**	7.6	
1451CK0833	Liêu Minh	Quân	04/03/1996	CD14CK3				**0**		
1451CK0932	Dương Nhật	Quang	30/09/1996	CD14CK3	5635	11822		**2**	6	
1451CK0918	Từ Văn	Sang	20/03/1996	CD14CK3				**0**		
1451CK0838	Đinh Ngọc	Sự	06/02/1996	CD14CK3				**0**		(2)
1451CK2392	Huỳnh Văn	Tân	09/10/1994	CD14CK3				**0**		
1451CK0944	Tạ Thanh	Thắng	26/12/1996	CD14CK3				**0**		
1451CK0981	Trần Quyết	Thắng	25/09/1995	CD14CK3				**0**		(2)
1451CK0842	Đặng Hoài	Thanh	04/10/1996	CD14CK3	11598			**1**		(1)
1451CK0939	Huỳnh Đức	Thịnh	24/11/1995	CD14CK3	3257	11749		**2**	8.4	
1451CK0959	Nguyễn Ngọc	Thoại	17/11/1996	CD14CK3	3253			**1**	5.6	
1451CK1044	Hàn Trí	Tính	29/09/1995	CD14CK3	3220			**1**	10	
1451CK0864	Nguyễn Nhân	Toàn	24/08/1996	CD14CK3				**0**		(2)
1451CK0866	Ngô Văn	Trạng	27/10/1995	CD14CK3	5636	11601		**2**	10	
1451CK0814	Đỗ Quang	Trí	20/06/1996	CD14CK3	3213	11823		**2**	9.2	
1451CK0852	Cao Văn	Tùng	20/08/1996	CD14CK3	3214	11751		**2**	10	
1451CK0869	Nguyễn Hùng	Vũ	10/09/1996	CD14CK3				**0**		(2)
1451CK0868	Phan Văn	Ý	29/07/1996	CD14CK3	11605			**1**	6.8	
Lớp CD14CK4										
1451CK1188	Vũ Minh	Chiến	09/08/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1348	Nguyễn Minh	Chính	02/08/1996	CD14CK4				**0**		(2)
1451CK1155	K'	Dinh	18/11/1995	CD14CK4	11650			**1**	10	
1451CK1153	Hà Hiệp	Đồng	21/02/1995	CD14CK4	11627			**1**	6.8	
1451CK1458	Lê Hồng	Đức	26/08/1996	CD14CK4				**0**		(2)
1451CK1418	Huỳnh Ngọc	Dũng	20/10/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1163	Đỗ Hoàng	Duy	13/05/1996	CD14CK4	3324	11794		**2**	8.8	
1451CK1124	Phạm Thanh	Hải	01/05/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK2155	Nguyễn Hữu	Hậu	06/09/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1372	Phùng Đặng	Hiền	20/11/1996	CD14CK4	11654			**1**		(1)
1451CK1271	Trần Vũ	Hiệp	24/10/1996	CD14CK4	11793			**1**	8.4	
1451CK1195	Nguyễn Văn Trung	Hiếu	26/11/1996	CD14CK4	3296	11653		**2**	8.4	
1451CK1367	Nguyễn Trung	Hiếu	26/10/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1324	Lý Quốc	Hùng	20/10/1995	CD14CK4	3269			**1**	7.2	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
1451CK1167	Lê Quốc	Huy	03/05/1995	CD14CK4				**0**		
1451CK1405	Lê Đức	Linh	10/11/1992	CD14CK4				**0**		
1451CK1173	Hồ Gia	Lượng	20/03/1996	CD14CK4	3290	11636		**2**	8.8	
1451CK1319	Đặng Xuân	Lượng	21/06/1996	CD14CK4	3289	11632		**2**	10	
1451CK2384	Lê Tuấn	Minh	26/10/1996	CD14CK4	11763			**1**	10	
1451CK1431	Trần Văn	Mỹ	22/10/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1287	Nguyễn Trọng	Ngãi	16/09/1996	CD14CK4				**0**		(2)
1451CK2359	Nguyễn Văn	Nhàn	18/02/1996	CD14CK4	3216			**1**		(1)
1451CK1205	Lê Văn	Nhân	13/04/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1117	Lê Tấn	Phát	20/08/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK2153	Nguyễn Đạo Duy	Quang	07/12/1995	CD14CK4				**0**		
1451CK1394	Nguyễn Thanh	Sang	11/01/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1102	Võ	Tâm	29/07/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1256	Nguyễn Thông	Tấn	17/08/1995	CD14CK4	11631			**1**	5.6	
1451CK1321	Nguyễn Khắc	Thành	06/03/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1327	Võ Nguyên	Thoại	24/07/1995	CD14CK4	11797			**1**		(1)
1451CK1326	Trần Quang	Thông	26/05/1996	CD14CK4	3291	11629		**2**	9.6	
1451CK1304	Đào Xuân	Thống	28/12/1996	CD14CK4				**0**		(2)
1451CK1158	Đồng Trọng	Thức	10/10/1996	CD14CK4				**0**		(2)
1451CK1329	Nguyễn Đức	Trọng	06/06/1996	CD14CK4	11622			**1**	10	
1451CK1429	Trần Bình	Trung	20/12/1996	CD14CK4				**0**		(2)
1451CK1353	Đỗ Văn	Truyết	01/01/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1268	Bùi Xuân	Tuấn	07/06/1996	CD14CK4				**0**		
1451CK1171	Nguyễn Thanh	Tùng	23/05/1995	CD14CK4				**0**		
1451CK1392	Nguyễn Ngọc Thành	Vinh	25/11/1996	CD14CK4				**0**		
Lớp CD14CK5										
1451CK1968	Nguyễn Xuân	An	02/08/1996	CD14CK5	3249			**1**	10	
1451CK1558	Trần Thanh	Bình	08/06/1995	CD14CK5	3244			**1**	10	
1451CK2413	Lê Quang	Chiến	03/02/1996	CD14CK5				**0**		
1451CK1734	Nguyễn Minh	Chung	09/09/1995	CD14CK5	3235	11802		**2**	9.2	
1451CK1621	Nguyễn Thành	Công	21/08/1996	CD14CK5	3233	11801		**2**	10	
1451CK2391	Nguyễn	Đại	05/08/1995	CD14CK5	3228	11630		**2**	10	
1451CK1462	Lê	Đạt	14/05/1995	CD14CK5	11791			**1**	10	
1451CK2156	Trần Văn	Đông	13/04/1996	CD14CK5	11594			**1**	10	
1451CK1465	Đinh Văn	Đức	24/12/1991	CD14CK5				**0**		
1451CK1701	Nguyễn Minh	Đức	27/04/1996	CD14CK5	3248			**1**	10	
1451CK1744	Lê Tiến	Dũng	01/10/1995	CD14CK5	3358	11778		**2**	10	
1451CK2382	Nguyễn Tiến	Dũng	29/12/1996	CD14CK5				**0**		
1451CK1755	Nguyễn Quốc	Hải	05/05/1996	CD14CK5				**0**		
1451CK1543	Đặng Hồng	Hạnh	17/04/1995	CD14CK5	3337	11790		**2**	10	
1451CK1761	Nguyễn Quốc	Hậu	04/06/1996	CD14CK5				**0**		
1451CK1929	Đinh Xuân	Hiền	25/07/1995	CD14CK5				**0**		
1451CK1552	Đỗ Chí	Hoán	08/12/1996	CD14CK5				**0**		
1451CK1580	Phạm Thái	Hoàng	02/03/1996	CD14CK5				**0**		
1451CK1551	Bùi	Hữu	25/02/1995	CD14CK5				**0**		
1451CK2420	Tô Quốc	Huy	18/05/1996	CD14CK5	11787			**1**	10	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
1451CK1763	Trần Duy	Khang	09/08/1995	CD14CK5				**0**		
1451CK1775	Nguyễn Văn	Khoa	07/09/1996	CD14CK5	3335	11788		**2**	10	
1451CK2328	Trịnh Văn	Khương	01/12/1996	CD14CK5	3338	11789		**2**	9.2	
1451CK1583	Võ Văn	Lĩnh	24/09/1995	CD14CK5	3247			**1**	10	
1451CK1514	Nguyễn Tăng	Lộc	28/04/1996	CD14CK5	3363			**1**		(1)
1451CK1678	Nguyễn Vũ	Minh	07/02/1995	CD14CK5				**0**		
1451CK1640	Lê Văn	Nhật	02/05/1996	CD14CK5	3256	11817		**2**	10	
1451CK1963	Trần Công	Phát	28/03/1996	CD14CK5	3236	11819		**2**	10	
1451CK1476	Lưu Hồng	Phong	28/02/1996	CD14CK5	3225	11589		**2**		(1)
1451CK1472	Nguyễn Thân Hồng	Phúc	14/12/1995	CD14CK5				**0**		
1451CK1530	Nguyễn Ngọc	Tầng	25/02/1996	CD14CK5	3234	11590		**2**	7.2	
1451CK1567	Lê Tôn	Thắng	04/02/1996	CD14CK5	11587			**1**	10	
1451CK1689	Trần Minh	Thanh	14/07/1996	CD14CK5	3252	11792		**2**	10	
1451CK1487	Lê Công	Thành	05/08/1996	CD14CK5	11800			**1**	6.8	
1451CK1709	Bùi Tấn	Thành	05/08/1996	CD14CK5				**0**		
1451CK1708	Trần Minh	Thuận	20/04/1995	CD14CK5				**0**		
1451CK1597	Hoàng Anh	Toại	19/11/1996	CD14CK5				**0**		(2)
1451CK1703	Lê Văn	Truyện	10/06/1995	CD14CK5				**0**		
1451CK1930	Nguyễn Văn	Tú	28/10/1996	CD14CK5	3243			**1**		(1)
1451CK1707	Vũ Quang	Vinh	27/12/1994	CD14CK5				**0**		(2)
Lớp CD14CK6										
1451CK2163	Lê Nguyễn Lâm	Anh	19/09/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2414	Trần Văn	Bá	20/08/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2241	Trần Thiện	Bảo	25/02/1996	CD14CK6	11663			**1**	6	
1451CK2366	Phạm Thiên	Bảo	04/11/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2281	Luyện Đình	Châu	15/03/1996	CD14CK6	3272	11821		**2**	10	
1451CK2166	Nguyễn Quốc	Chí	22/03/1996	CD14CK6				**0**		
1451CK1927	Đàm Văn	Chính	05/01/1995	CD14CK6	3271	11661		**2**	7.6	
1451CK1987	Phạm Tài	Chuẩn	28/01/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2188	Phạm Tiến	Dũng	01/04/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2279	Nguyễn Văn	Được	01/05/1996	CD14CK6				**0**		
1451CK2266	Nguyễn Công Anh	Hào	10/05/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2067	Đặng Minh	Hậu	05/05/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2187	Trần Thế	Hiển	07/07/1996	CD14CK6				**0**		
1451CK1992	Nguyễn Lê Trung	Hiếu	26/06/1995	CD14CK6				**0**		
1451CK2074	Nguyễn Minh	Hòa	17/10/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2213	Nguyễn Phú	Hòa	20/10/1996	CD14CK6	3463	11659		**2**	10	
1451CK2246	Nguyễn Trần Thanh	Hùng	30/12/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2162	Phan Thanh	Hưng	02/08/1995	CD14CK6				**0**		
1451CK0393	Nguyễn Thanh	Hưởng	01/03/1995	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2296	Lê Văn	Lắm	25/01/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK1771	Cái Văn	Lộc	18/06/1995	CD14CK6	11658			**1**	10	
1451CK2276	Nguyễn Thành	Lộc	07/02/1995	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2200	Nguyễn Kim	Long	19/05/1994	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2001	Phạm Minh	Màu	23/08/1995	CD14CK6	11655			**1**	10	
1451CK2053	La Hòa	Minh	08/06/1993	CD14CK6	3466	11687		**2**	10	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
1451CK2086	Lê Tiến	Minh	07/08/1995	CD14CK6	3263			**1**	10	
1451CK2193	Phạm Ngọc	Minh	13/06/1996	CD14CK6	11660			**1**	10	
1451CK1702	Hồ Thanh	Nhựt	20/02/1995	CD14CK6	11820			**1**	10	
1451CK2325	Trần Văn	Sơn	21/08/1995	CD14CK6	11477			**1**	10	
1451CK2240	Trương Hữu	Tài	19/02/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2041	Lê Minh	Tâm	22/10/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2168	Trương Công	Tấn	14/03/1996	CD14CK6	3273	11651		**2**		(1)
1451CK2002	Trần Ngọc	Thái	16/02/1996	CD14CK6				**0**		
1451CK0386	Trương Văn	Thắng	28/02/1996	CD14CK6				**0**		
1451CK1204	Trương Ngọc	Thắng	02/02/1996	CD14CK6	3464	11662		**2**	8.8	
1451CK1988	Ngô Kim	Thanh	25/02/1996	CD14CK6				**0**		
1451CK0205	Nguyễn Văn	Thảo	22/05/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK1983	Ngô Tiến	Thịnh	28/10/1996	CD14CK6				**0**		(2)
1451CK2035	Nguyễn Văn	Toàn	20/09/1995	CD14CK6	3465			**1**	10	
1451CK1568	Lê Minh	Tuấn	17/09/1996	CD14CK6	11656			**1**	10	
1451CK1986	Nguyễn Tuấn	Vũ	12/02/1996	CD14CK6				**0**		(2)
Lớp CD15CK1										
15211CK0156	Phạm Ngọc	Ân	31/01/1995	CD15CK1				**0**		
15211CK2667	Đỗ Hoàng	Anh	13/01/1997	CD15CK1				**0**		
15211CK0055	Nguyễn Tấn	Bão	01/09/1996	CD15CK1	2973			**1**	8.8	
15211CK0282	Nguyễn Huỳnh Nguyên	Chánh	10/05/1997	CD15CK1	1728	905		**2**	3.2	
15211CK0347	Nguyễn Ngọc	Chung	03/08/1995	CD15CK1	1182	1142		**2**	6.8	
15211CK0098	Nguyễn Ngọc	Đăng	20/02/1997	CD15CK1	1661	1155		**2**	9.2	
15211CK0292	Phan Bùi Hải	Đăng	27/07/1997	CD15CK1	1651	695		**2**	8.8	
15211CK0235	Trần Quốc	Đạt	16/11/1997	CD15CK1	1185	1138		**2**	10	
15211CK0261	Đỗ Văn	Định	21/10/1997	CD15CK1	731			**1**	10	
15211CK0232	Nguyễn Văn	Doanh	05/10/1997	CD15CK1				**0**		
15211CK2431	Nguyễn Hùng	Duy	20/08/1997	CD15CK1	1656	811		**2**		(1)
15211CK0114	Nguyễn Giang	Em	25/04/1997	CD15CK1				**0**		
15211CK0107	Đỗ Huy	Hiếu	30/01/1997	CD15CK1	1179	1140		**2**	10	
15211CK0124	Nguyễn Hiếu	Hòa	08/12/1996	CD15CK1	1187	1141		**2**	10	
15211CK0015	Nguyễn Duy	Hoàng	03/03/1991	CD15CK1	1658	1154		**2**	10	
15211CK0266	Bùi Trọng	Hoàng	21/11/1997	CD15CK1	1505	721		**2**	10	
15211CK0116	Phan Đình	Huấn	14/06/1996	CD15CK1	1189	1031		**2**	6.4	
15211CK0860	Bùi Nguyễn Tiến	Hùng	12/05/1997	CD15CK1				**0**		
15211CK0876	Lê Việt	Hùng	18/10/1996	CD15CK1				**0**		
15211CK0192	Vũ Minh	Hưng	06/01/1995	CD15CK1				**0**		
15211CK0074	Huỳnh Trọng	Huy	20/11/1994	CD15CK1				**0**		
15211CK0097	Nguyễn Đăng	Khoa	26/04/1996	CD15CK1				**0**		
15211CK0322	Trần Văn	Kỳ	08/05/1997	CD15CK1				**0**		(2)
15211CK0118	Trần Vỉnh	Linh	20/11/1997	CD15CK1	1183	1136		**2**	10	
15211CK0873	Hoàng Vũ	Linh	18/05/1996	CD15CK1				**0**		
15211CK2553	Lâm Nguyễn Hoàng	Minh	17/09/1997	CD15CK1				**0**		
15211CK0251	Phan Ngọc	Nam	09/09/1997	CD15CK1				**0**		
15211CK0317	Lê Quý	Nhân	16/10/1997	CD15CK1	730			**1**		(1)
15211CK0250	Nguyễn Hồ Minh	Quân	25/11/1997	CD15CK1	1188	1139		**2**	10	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
15211CK0049	Đặng Đình	Quang	11/02/1994	CD15CK1				**0**		(2)
15211CK0166	Lê Tây	Sơn	01/07/1996	CD15CK1	1660	1175		**2**	4.8	
15211CK0178	Phạm Chí	Tài	08/12/1997	CD15CK1	3008	2986		**2**	10	
15211CK0009	Trần Thanh	Tâm	24/08/1996	CD15CK1	2290	1840		**2**	10	
15211CK0129	Tô Đình	Tấn	11/02/1997	CD15CK1	1638	703		**2**	7.6	
15211CK0115	Phạm Văn	Thái	07/01/1994	CD15CK1	1659	1153		**2**	9.2	
15211CK0093	Nguyễn Thành	Thi	04/01/1994	CD15CK1	1511	812		**2**	8.8	
15211CK0100	Võ Hoàng	Thi	22/01/1997	CD15CK1	1184	1137		**2**	10	
15211CK2614	Nguyễn Đức	Thiện	02/01/1994	CD15CK1				**0**		(2)
15211CK0311	Nguyễn Thiện	Thông	15/01/1997	CD15CK1				**0**		
15211CK0319	Nguyễn Đăng	Tín	10/09/1996	CD15CK1	729			**1**	10	
15211CK0099	Nguyễn Hữu	Trí	14/11/1997	CD15CK1	1257	1143		**2**	10	
15211CK0283	Nguyễn Minh	Trí	09/07/1997	CD15CK1	1710	926		**2**	8.8	
15211CK0880	Huỳnh Minh	Trí	29/09/1997	CD15CK1	1186			**1**	10	
15211CK0167	Phạm Tấn	Trung	23/01/1997	CD15CK1	1655	809		**2**	10	
15211CK0342	Lê Minh	Trung	25/10/1997	CD15CK1				**0**		
15211CK0172	Trương Đỗ Minh	Tú	31/03/1997	CD15CK1	1654	810		**2**	6.4	
15211CK0867	Thạch Sơn	Tùng	04/02/1997	CD15CK1				**0**		
15211CK0268	Trần Ngọc	Vinh	11/04/1997	CD15CK1	1503	720		**2**	10	
Lớp CD15CK2										
15211CK0389	Trần Hùng	Anh	13/05/1997	CD15CK2	1770	992		**2**	8	
15211CK0583	Phạm Quốc	Bình	14/09/1997	CD15CK2	1769	979		**2**	8.8	
15211CK0599	Nguyễn Xuân	Bửu	20/02/1997	CD15CK2	1772	978		**2**	10	
15211CK0590	Nguyễn Quang	Châu	28/09/1997	CD15CK2	1674	993		**2**	10	
15211CK0618	Nguyễn Mạnh	Cường	20/02/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK1481	Lê Văn	Dân	21/07/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0355	Dương Thành	Đạt	17/07/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0902	Huỳnh Văn	Đông	18/07/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0440	Phạm Trung	Dũng	13/12/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0445	Phan Thanh	Duy	27/07/1995	CD15CK2				**0**		
15211CK0526	Hồ Văn	Duy	03/10/1997	CD15CK2	1495	994		**2**		(1)
15211CK2616	Trần Kiên	Giang	26/08/1996	CD15CK2				**0**		
15211CK0373	Huỳnh Hà Hữu	Hải	24/04/1997	CD15CK2	1767	980		**2**	8.8	
15211CK0480	Ngô Đại	Hải	05/11/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0501	Trần Hoàng	Hải	28/02/1997	CD15CK2	1496	975		**2**	8	
15211CK0550	Phạm Thanh	Hải	03/08/1995	CD15CK2				**0**		
15211CK0912	Lê Anh	Hào	20/04/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0593	Nguyễn Ngọc Lê	Hảo	03/04/1994	CD15CK2	1685	818		**2**	9.2	
15211CK0366	Lê Trần Công	Hiếu	15/07/1997	CD15CK2	1497	974		**2**		(1)
15211CK2433	Nguyễn Long	Hồ	19/07/1997	CD15CK2	11260			**1**		(1)
15211CK0921	Nguyễn Phi	Hổ	15/03/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0889	Lê Phan Thanh	Hoài	28/08/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0548	Nguyễn Huy	Hoàng	05/09/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0571	Nguyễn Huy	Hoàng	02/02/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0392	Trần Thanh	Hồng	23/10/1997	CD15CK2	1759	991		**2**	8	
15211CK0386	Vòng Phi	Hùng	01/09/1997	CD15CK2	1494	976		**2**	8	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
15211CK0364	Trần Nhựt	Huy	29/06/1997	CD15CK2				**0**		(2)
15211CK0473	Phạm Duy	Khang	13/11/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0537	Nguyễn Duy	Khánh	09/08/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0500	Lương Nguyễn Gia	Liêm	16/02/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0534	Vũ	Linh	05/11/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0453	Trần Thành	Long	01/05/1996	CD15CK2				**0**		
15211CK0610	Lê Khắc	Nghĩa	02/07/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0412	Nguyễn Đức	Nhân	01/03/1997	CD15CK2	1771	981		**2**	8	
15211CK0452	Thái Văn	Nhựt	12/07/1997	CD15CK2	1678	982		**2**	6.8	
15211CK0588	Nguyễn Văn	Nhựt	07/11/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0444	Nguyễn Minh	Pháp	20/01/1996	CD15CK2				**0**		
15211CK0549	Bùi Thành	Phát	14/07/1996	CD15CK2				**0**		
15211CK0584	Nguyễn Bá	Phát	25/04/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0564	Dương Văn	Phong	25/10/1996	CD15CK2	1669	977		**2**	8.8	
15211CK0481	Nguyễn Khắc	Phước	17/04/1997	CD15CK2				**0**		(2)
15211CK0387	Nguyễn Lê	Phương	22/09/1996	CD15CK2				**0**		
15211CK0350	Đỗ Văn	Quang	11/11/1995	CD15CK2				**0**		(2)
15211CK0623	Trần Đình	Tài	12/01/1997	CD15CK2				**0**		(2)
15211CK0560	Võ Thanh	Tâm	07/06/1997	CD15CK2	1206	961		**2**	10	
15211CK0479	Nguyễn Văn	Tân	15/11/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0349	Nguyễn Văn	Thắng	19/10/1996	CD15CK2				**0**		
15211CK0432	Nguyễn Ngọc	Thắng	04/03/1997	CD15CK2				**0**		(2)
15211CK2436	Ngô Tấn	Thành	08/12/1996	CD15CK2	1760	995		**2**	8	
15211CK0357	Nguyễn Minh	Tuấn	24/09/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0354	Lê Văn	Út	05/01/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0905	Trần Ngô Tuấn	Việt	01/01/1997	CD15CK2				**0**		
15211CK0572	Lê Ánh	Vương	12/06/1997	CD15CK2				**0**		
Lớp CD15CK3										
15211CK0670	Lê Đức	Anh	01/01/1997	CD15CK3	1200	956		**2**	6.4	
15211CK0943	Trịnh Công	Bảo	05/06/1997	CD15CK3				**0**		(2)
15211CK0824	Võ Đình	Chiến	27/10/1997	CD15CK3	1698	1028		**2**	7.6	
15211CK0736	Nguyễn Thế	Công	06/06/1997	CD15CK3	1735	1165		**2**	10	
15211CK0803	Vũ Thành	Công	11/02/1996	CD15CK3				**0**		(2)
15211CK0711	Phạm Bá	Cường	25/12/1996	CD15CK3				**0**		
15211CK0958	Đỗ Tấn	Đạt	03/06/1997	CD15CK3	1740	959		**2**	10	
15211CK0944	Trần	Dinh	16/03/1997	CD15CK3	1719	990		**2**	8.4	
15211CK0769	Nguyễn Thanh	Du	13/05/1997	CD15CK3	1190	955		**2**	6.8	
15211CK0643	Lê Anh	Đức	20/12/1997	CD15CK3	1753	1067		**2**	7.6	
15211CK0709	Lâm Hoài	Đức	25/11/1997	CD15CK3	1700	1029		**2**	6.8	
15211CK0939	Đặng Hoàng	Đức	14/03/1997	CD15CK3				**0**		(2)
15211CK0677	Tạ Hùng	Duy	04/11/1996	CD15CK3	1233	717		**2**	8	
15211CK0737	Vũ Văn	Hải	18/02/1996	CD15CK3	1757	849		**2**	9.6	
15211CK0938	Ngô Đình	Hải	18/09/1997	CD15CK3				**0**		
15211CK0954	Vũ Hoàng	Hải	10/08/1996	CD15CK3	1755	848		**2**	8.4	
15211CK2437	Nguyễn Văn	Hậu	06/08/1997	CD15CK3	1764	989		**2**	8	
15211CK0632	Lê Minh	Hoàng	27/02/1997	CD15CK3				**0**		

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
15211CK0804	Lê Minh	Hoàng	26/04/1997	CD15CK3	1736	964		**2**	8	
15211CK0964	Trần Văn	Hùng	19/02/1997	CD15CK3	1645			**1**		(1)
15211CK0713	Bùi Minh	Hưng	04/10/1997	CD15CK3	1668	1799		**2**	6.8	
15211CK0930	Nguyễn Thành	Huy	06/02/1996	CD15CK3				**0**		(2)
15211CK0955	Nguyễn Trần Diệp	Huy	03/09/1997	CD15CK3	1693	958		**2**	10	
15211CK0733	Nguyễn Tấn	Kiệt	25/02/1996	CD15CK3	1720	707		**2**	6.8	
15211CK0768	Phạm Xuân	Liêm	11/05/1997	CD15CK3				**0**		
15211CK0738	Trần Văn	Lợi	12/03/1997	CD15CK3	1639	363		**2**	10	
15211CK0926	Trương Nhật	Nam	01/04/1997	CD15CK3	1633	361		**2**	10	
15211CK0665	Trần Hiếu	Nghĩa	22/10/1997	CD15CK3	1715	868		**2**	7.6	
15211CK0928	Nguyễn Nhân	Nghĩa	13/09/1997	CD15CK3	1718	713		**2**	6.8	
15211CK0776	Hồ Huỳnh Đình	Nghiêm	20/12/1997	CD15CK3	1729	712		**2**	6.8	
15211CK0805	Lê Ngọc Thành	Nhân	29/08/1997	CD15CK3	1629	1066		**2**	10	
15211CK0657	Đỗ Minh	Nhựt	03/09/1997	CD15CK3				**0**		
15211CK0835	Trần Tiến	Phát	24/12/1995	CD15CK3	1644	360		**2**	10	
15211CK0822	Nguyễn Hoàng	Phi	10/04/1997	CD15CK3	1737	846		**2**	6.8	
15211CK0640	Phạm Minh	Phú	29/11/1997	CD15CK3	1732	714		**2**	10	
15211CK0949	Phan Văn	Phương	01/06/1997	CD15CK3				**0**		(2)
15211CK2438	Huỳnh Văn	Quang	07/06/1996	CD15CK3	1763	988		**2**	8	
15211CK0661	Phùng Linh	Sơn	02/10/1997	CD15CK3	1713	1128		**2**	8	
15211CK0950	Lê Huy	Thắng	19/02/1997	CD15CK3	1236	1001		**2**	7.6	
15211CK0832	Nguyễn Trần	Thành	19/10/1997	CD15CK3	1733	966		**2**	6.8	
15211CK0819	Trương Quang	Thư	16/11/1996	CD15CK3	1756	1166		**2**	6.8	
15211CK0940	Nguyễn Thanh	Thuật	21/12/1997	CD15CK3	1734	909		**2**	6.8	
15211CK0675	Trần Ngọc Bích	Tiên	01/08/1997	CD15CK3				**0**		(2)
15211CK0626	Nguyễn Thanh	Tiền	04/01/1997	CD15CK3				**0**		
15211CK0934	Vũ Văn	Tình	20/02/1997	CD15CK3	1191	1030		**2**	6.8	
15211CK0698	Phạm Đức	Toàn	27/10/1997	CD15CK3	1743	1077		**2**	8.8	
15211CK0821	Đặng Quốc	Trạng	16/06/1996	CD15CK3	1758	957		**2**	10	
15211CK0676	Cum Văn	Triều	12/04/1997	CD15CK3	1739	853		**2**	6.4	
15211CK0686	Lê Quang	Trường	26/05/1997	CD15CK3	1762	362		**2**	9.6	
15211CK2623	Hồ Ngọc	Tư	16/06/1996	CD15CK3				**0**		(2)
15211CK0827	Lài Thanh	Tuấn	29/08/1997	CD15CK3				**0**		
Lớp CD15CK4										
15211CK1063	Trương Quang	Anh	23/09/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1276	Lâm Tuấn	Anh	01/06/1996	CD15CK4				**0**		
15211CK1172	Nguyễn Văn	Bắc	01/02/1997	CD15CK4	1610	827		**2**	10	
15211CK1112	Phạm Tấn	Bảo	22/11/1997	CD15CK4	1601	826		**2**	8.8	
15211CK1134	Trần Nguyễn Viết	Bảo	06/02/1997	CD15CK4	1604	825		**2**	10	
15211CK1249	Phan Duy	Cường	27/03/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1045	Lương Văn	Đồng	20/06/1997	CD15CK4	1631	852		**2**		(1)
15211CK1301	Trần Hữu	Đức	20/07/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1070	Nguyễn An	Duy	17/02/1997	CD15CK4	2541			**1**	8	
15211CK1178	Đào Trần	Duy	10/10/1994	CD15CK4	1619	841		**2**	10	
15211CK1095	Nguyễn Lê	Hoàng	16/02/1997	CD15CK4	1709	857		**2**	10	
15211CK2449	Nguyễn Năng	Hoàng	02/04/1997	CD15CK4				**0**		

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
15211CK1224	Trần Ngọc	Hội	12/10/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1166	Trần Viết	Huấn	13/06/1996	CD15CK4				**0**		
15211CK1298	Nguyễn Đình	Hừng	14/10/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1277	Hoàng Văn	Lạc	28/03/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1152	Dương Minh	Lai	04/05/1996	CD15CK4				**0**		(2)
15211CK1221	Nguyễn Trường	Lâm	12/06/1997	CD15CK4	1647			**1**		(1)
15211CK2107	Trương Thanh	Lâm	10/11/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1218	Nguyễn Tấn	Lộc	09/08/1997	CD15CK4	1569	844		**2**	10	
15211CK1271	Trần Văn	Luân	20/06/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1281	Lê Văn	Nam	08/06/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1285	Lê Chí	Nguyên	21/09/1997	CD15CK4	855			**1**	8.4	
15211CK1012	Phan Văn	Nhật	05/11/1997	CD15CK4	1617	859		**2**	10	
15211CK1092	Nguyễn Văn	Nhí	21/03/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1179	Lê Minh	Nhựt	24/01/1997	CD15CK4				**0**		(2)
15211CK0986	Nguyễn Thống	Phát	21/12/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1019	Nguyễn Thanh	Phú	13/07/1997	CD15CK4				**0**		(2)
15211CK1287	Trịnh Bá	Phụng	26/10/1997	CD15CK4	1618	858		**2**	9.6	
15211CK1302	Huỳnh Tấn	Phương	27/12/1997	CD15CK4	1632	845		**2**		(1)
15211CK0987	Nguyễn Doãn	Quân	16/03/1997	CD15CK4	1628	856		**2**	9.2	
15211CK1283	Nguyễn Duy	Quân	27/09/1997	CD15CK4	1621	854		**2**	8.8	
15211CK1288	Nguyễn Ngọc	Quốc	04/03/1996	CD15CK4				**0**		
15211CK1105	Phạm Quang	Quý	05/02/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1211	Nguyễn Phương	Quỳnh	21/01/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1193	Đỗ Minh	Sự	25/10/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK2450	Đoàn Văn	Sửu	27/12/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1021	Võ Xuân	Thắng	25/08/1997	CD15CK4	1708	847		**2**	10	
15211CK1170	Trần Đức	Thắng	04/11/1997	CD15CK4				**0**		(2)
15211CK1097	Trần Văn	Thảo	10/10/1997	CD15CK4	1603	808		**2**	10	
15211CK1199	Thạch	Thon	16/04/1997	CD15CK4	1630			**1**	10	
15211CK1052	Nguyễn Hữu	Toàn	03/11/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK0995	Huỳnh Thanh	Trà	22/12/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1252	Đậu Văn	Tuấn	05/03/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1306	Đặng Ngọc	Tuấn	06/05/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK2646	Hà Thanh	Tùng	08/09/1997	CD15CK4	1622	971		**2**	5.2	
15211CK1256	Trương Hoàng	Uyên	12/02/1997	CD15CK4	1613	829		**2**	8.4	
15211CK1200	Nguyễn Hữu	Văn	12/11/1997	CD15CK4				**0**		
15211CK1159	Phạm Quý	Việt	03/07/1997	CD15CK4	1611	828		**2**	10	
15211CK1213	Lâm Thành	Việt	28/11/1996	CD15CK4				**0**		
15211CK1141	Nguyễn Thế	Vinh	27/11/1997	CD15CK4	1614	830		**2**	10	
15211CK1130	Tống Ngọc Tuấn	Vương	05/07/1996	CD15CK4				**0**		(2)
Lớp CD15CK5										
15211CK2496	Nguyễn Hoàng	Cảnh	08/06/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1574	Nguyễn Duy	Chương	27/09/1997	CD15CK5	1688	1090		**2**	10	
15211CK1568	Võ Thành	Công	28/03/1997	CD15CK5	1714	725		**2**	9.6	
15211CK1691	Nguyễn Mạnh	Cường	12/03/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK1463	Mai Ngọc	Đại	25/10/1997	CD15CK5				**0**		

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
15211CK1486	Lê Hữu	Đang	18/01/1997	CD15CK5	1523	724		**2**	9.6	
15211CK1326	Lê Văn	Đệ	15/05/1996	CD15CK5				**0**		
15211CK1737	Nguyễn Thanh	Đức	12/09/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1416	Bùi Tấn	Dũng	02/09/1996	CD15CK5	1640	1168		**2**	8.4	
15211CK1522	Nguyễn Thọ	Dũng	30/10/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK1535	Võ Quốc	Dũng	03/01/1997	CD15CK5	1684	443		**2**	9.6	
15211CK1562	Nguyễn Đình	Dũng	17/02/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK2456	Lê	Dũng	05/05/1995	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1310	Phạm Nhật	Dương	11/06/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1415	Ung Văn	Duy	19/05/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK1588	Nguyễn Ngọc	Duy	10/08/1997	CD15CK5	1681	1096		**2**	10	
15211CK1704	Nguyễn Phương	Duy	18/10/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1409	Võ Tấn	Giáp	05/02/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1402	Phạm Ngọc	Hải	14/05/1997	CD15CK5	1207	962		**2**	10	
15211CK1685	Huỳnh Anh	Hào	08/11/1997	CD15CK5	2504	1089		**2**	10	
15211CK1709	Nguyễn Thanh	Hảo	05/08/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK1665	Lê Trung	Hiếu	18/03/1997	CD15CK5	2539	1088		**2**	6.4	
15211CK1566	Trần Đặng	Hoàng	24/03/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1532	Nguyễn Văn	Học	09/08/1997	CD15CK5	2501	456		**2**	8.8	
15211CK1564	Võ Nguyễn Duy	Hồng	30/09/1997	CD15CK5	1514	1169		**2**	10	
15211CK1377	Đặng Trung	Kết	25/02/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1464	Nguyễn Tấn	Kha	16/05/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK2651	Nguyễn Văn	Khang	25/03/1997	CD15CK5	2500	1091		**2**	10	
15211CK2673	Lê Minh	Khoa	27/11/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK1360	Huỳnh Quốc	Khôi	29/06/1997	CD15CK5	1518	1093		**2**	6.8	
15211CK1669	Nguyễn Phước	Mạnh	06/01/1997	CD15CK5	1520	450		**2**	6	
15211CK1351	Hồ Phương	Nam	25/08/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK1577	Nguyễn Tấn	Nghĩa	06/01/1997	CD15CK5	2502	1087		**2**		(1)
15211CK1330	Nguyễn Phan	Ngọc	15/01/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1358	Nguyễn Tăng	Nhựt	14/10/1997	CD15CK5	1513	1092		**2**	8.4	
15211CK1381	Huỳnh Văn	Phi	16/01/1996	CD15CK5				**0**		
15211CK1634	Trương Minh	Phương	30/01/1996	CD15CK5	2503	1086		**2**	10	
15211CK1341	Nguyễn Minh	Sang	23/11/1997	CD15CK5	1517	1094		**2**	9.6	
15211CK1398	Bùi Thanh	Sang	25/09/1997	CD15CK5	458			**1**	5.6	
15211CK1431	Trần Văn	Sang	18/07/1997	CD15CK5	1515	706		**2**	8.8	
15211CK1500	Lê Văn	Sáng	09/07/1997	CD15CK5	1522			**1**	6	
15211CK1608	Nguyễn Chí	Tân	15/02/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK2493	Võ Văn	Thắng	01/08/1997	CD15CK5	1562	711		**2**	10	
15211CK1343	Lê Văn	Thanh	29/12/1997	CD15CK5	1516	449		**2**	10	
15211CK1327	Nguyễn	Thành	02/12/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK1674	Hồ Đức	Thành	20/10/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK1473	Hồ Văn	Tiến	25/07/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1579	Phạm Hữu	Trí	17/11/1997	CD15CK5				**0**		
15211CK1364	Nguyễn Quang	Truyền	25/01/1997	CD15CK5	1519			**1**	6.8	
15211CK1510	Nguyễn Văn	Tú	15/09/1997	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1525	Lê Văn	Tuấn	20/04/1997	CD15CK5	1512	457		**2**	7.2	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
15211CK1425	Nguyễn Đỗ Đình	Tuyên	23/09/1987	CD15CK5				**0**		(2)
15211CK1524	Trương Kỳ Thanh	Vinh	19/02/1997	CD15CK5				**0**		
Lớp CD15CK6										
15211CK2110	Kiều Thành	Bảo	02/02/1997	CD15CK6	1702	1121		**2**	10	
15211CK2509	Lã Đức	Cảnh	12/11/1997	CD15CK6				**0**		(2)
15211CK1900	Trần Nhật	Chung	02/08/1996	CD15CK6	1624	813		**2**	7.6	
15211CK2123	Phạm	Cương	11/06/1996	CD15CK6	1620	819		**2**	7.6	
15211CK1789	Phan Văn	Cường	30/10/1996	CD15CK6	893			**1**	8.8	
15211CK1967	Võ Văn	Đại	19/07/1997	CD15CK6				**0**		(2)
15211CK2519	Nguyễn Xuân	Đạo	27/03/1997	CD15CK6				**0**		(2)
15211CK2061	Nguyễn Tấn	Đạt	13/03/1997	CD15CK6	1703	1113		**2**	6.4	
15211CK2106	Hồ Hữu	Đồng	11/08/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK2118	Trịnh Đình	Đức	26/05/1997	CD15CK6	1707	1117		**2**	8.8	
15211CK1803	Nguyễn Đức	Hậu	26/04/1997	CD15CK6	821			**1**	8.4	
15211CK1751	Lê Văn	Hiệp	12/12/1997	CD15CK6	1571	820		**2**	10	
15211CK2045	Đinh Tiến	Hiệp	17/06/1997	CD15CK6	894			**1**		(1)
15211CK2084	Hồ Hữu	Hiếu	09/11/1996	CD15CK6				**0**		(2)
15211CK1964	Lục Đình	Huân	15/02/1996	CD15CK6				**0**		(2)
15211CK1770	Trần Văn	Hùng	02/02/1997	CD15CK6	1625			**1**		(1)
15211CK1831	Lâm Gia	Huy	02/08/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK2109	Trần Tấn	Khang	08/04/1997	CD15CK6				**0**		(2)
15211CK1911	Nguyễn Thế	Khôi	15/06/1997	CD15CK6	1676			**1**	8	
15211CK1771	Mai Hoàng	Lâm	22/08/1996	CD15CK6				**0**		
15211CK2082	Nguyễn Duy	Linh	10/02/1997	CD15CK6	1623	1114		**2**	8.4	
15211CK2103	Nguyễn Khâm Thanh	Long	24/11/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK2014	Đỗ Tấn	Lực	16/07/1997	CD15CK6	1602	799		**2**	5.2	
15211CK1784	Trương Văn	Minh	11/10/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK1858	Võ Văn	Nam	10/05/1995	CD15CK6	1221	823		**2**	6.8	
15211CK2060	Huỳnh Trung	Nghĩa	16/12/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK2088	Nguyễn Tấn	Nghĩa	11/07/1997	CD15CK6				**0**		(2)
15211CK1966	Phùng Đại	Nhàn	10/07/1997	CD15CK6	1704	1111		**2**	10	
15211CK1752	Nguyễn Xuân	Noen	25/12/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK1830	Nguyễn Duy	Pháp	03/10/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK1969	Trương	Phong	01/12/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK2111	Nguyễn Đức	Quang	08/10/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK2130	Trần	Quất	30/12/1997	CD15CK6	1686	842		**2**		(1)
15211CK2011	Huỳnh Văn	Sang	20/06/1996	CD15CK6				**0**		
15211CK2132	Võ Kế	Sinh	03/03/1996	CD15CK6				**0**		(2)
15211CK2498	Nguyễn Đức	Sinh	30/06/1997	CD15CK6	1706	1115		**2**	7.2	
15211CK1864	Nguyễn Minh	Sơn	16/02/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK1857	Nguyễn Thế	Tài	24/02/1997	CD15CK6	1570	816		**2**	8.8	
15211CK1986	Lê Hữu	Thắng	01/05/1997	CD15CK6	3013	2978		**2**	10	
15211CK1949	Đặng Văn	Thanh	12/01/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK2042	Lê Mộc	Thiên	22/11/1997	CD15CK6	1699	1176		**2**		(1)
15211CK1973	Cao Minh	Thiện	22/05/1997	CD15CK6	2538	817		**2**	10	
15211CK1891	Nguyễn Bá Hoàng	Tiến	25/11/1996	CD15CK6				**0**		(2)

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
15211CK1915	Vũ Minh	Tiến	19/09/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK2070	Nguyễn Đức	Trọng	31/08/1997	CD15CK6	1701	1116		**2**		(1)
15211CK1769	Lê Quang	Trung	02/01/1997	CD15CK6				**0**		(2)
15211CK2077	Nguyễn Văn	Tùng	24/10/1996	CD15CK6	1112			**1**		(1)
15211CK2065	Lê Văn	Tường	21/04/1997	CD15CK6	1626	815		**2**	6	
15211CK1909	Trịnh Duy	Vinh	28/02/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK1832	Huỳnh Thanh	Vũ	16/01/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK2071	Lê Tấn	Vũ	20/04/1997	CD15CK6				**0**		
15211CK1888	Bùi Hùng	Vương	11/10/1997	CD15CK6	1697	814		**2**	6.4	
Lớp CD15CK7										
15211CK2307	Trương Lê Duy	Anh	20/11/1996	CD15CK7				**0**		
15211CK2334	Trịnh Ngọc	Bằng	27/05/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2176	Trần Thái	Bảo	09/02/1996	CD15CK7				**0**		
15211CK2300	Lê Quang	Bảo	11/01/1997	CD15CK7	1689	793		**2**	10	
15211CK2391	Hồ Nam	Bình	19/09/1997	CD15CK7	1567	1160		**2**	8.4	
15211CK2141	Trần Văn	Chí	09/12/1996	CD15CK7				**0**		(2)
15211CK2282	Trần Văn	Chiến	14/02/1995	CD15CK7	1789	1034		**2**	10	
15211CK2315	Lê Quang	Đạo	25/12/1997	CD15CK7	1493	788		**2**	6	
15211CK2318	Nguyễn Tấn	Đạt	04/02/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2243	Lê Đức	Dũng	14/09/1997	CD15CK7	1267	911		**2**	8.4	
15211CK2149	Bùi Chí	Giang	22/05/1997	CD15CK7	1492	718		**2**	6.4	
15211CK2324	Nguyễn Thanh	Hải	17/08/1997	CD15CK7	1262	833		**2**	6	
15211CK2213	Võ Ngọc	Hân	12/02/1997	CD15CK7	1653	698		**2**	10	
15211CK2521	Dương Hoàng	Hảo	04/04/1996	CD15CK7	1643			**1**		(1)
15211CK2164	Nguyễn Văn	Hiệp	08/01/1997	CD15CK7	1263	1039		**2**	10	
15211CK2344	Đặng Huy	Hoàng	21/10/1997	CD15CK7	1641	1156		**2**	10	
15211CK2338	Trần Văn	Học	11/09/1997	CD15CK7	1608	1035		**2**	10	
15211CK2291	Dương Ngọc	Hưng	02/04/1996	CD15CK7	1637	704		**2**	9.6	
15211CK2168	Nguyễn Đệ	Huynh	15/10/1996	CD15CK7	1502	693		**2**	10	
15211CK2270	Nguyễn Văn	Khôi	06/01/1994	CD15CK7	789			**1**	7.2	
15211CK2156	Đào Duy	Kiên	16/12/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2215	Nguyễn Thành	Lâm	23/03/1997	CD15CK7	1480	689		**2**	10	
15211CK2146	Nguyễn Hoàng	Linh	01/06/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2158	Lê Hoàng	Lộc	17/11/1996	CD15CK7				**0**		
15211CK2328	Nguyễn Hoàng	Lợi	30/11/1997	CD15CK7	1506	705		**2**		(1)
15211CK2337	Nguyễn Y	Long	29/03/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2244	Trần Ngọc	Minh	13/02/1996	CD15CK7				**0**		
15211CK2365	Huỳnh Công	Minh	17/11/1996	CD15CK7				**0**		
15211CK2603	Nguyễn Xuân	Mỹ	10/05/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2211	Hà Văn	Nam	27/08/1997	CD15CK7	1264	791		**2**	7.6	
15211CK2259	Đặng Văn	Năm	15/06/1997	CD15CK7				**0**		(2)
15211CK2238	Nguyễn Hữu	Nghĩa	12/05/1997	CD15CK7	1788	1033		**2**	10	
15211CK2255	Trần Ngọc	Nguyên	20/02/1997	CD15CK7				**0**		(2)
15211CK2214	Nguyễn Sỹ	Phú	28/07/1996	CD15CK7				**0**		
15211CK2254	Lê Văn	Quang	04/04/1997	CD15CK7				**0**		(2)
15211CK2216	Nguyễn Minh	Sáng	11/01/1997	CD15CK7	1652	702		**2**	8.4	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
15211CK2228	Võ Văn	Sao	25/11/1997	CD15CK7	1612	843		**2**	9.6	
15211CK2403	Lê Đức Phước	Tài	22/12/1997	CD15CK7	1787	1032		**2**	8.4	
15211CK2412	Huỳnh Hửu	Tài	19/05/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2143	Huỳnh Lê	Thắng	15/03/1997	CD15CK7				**0**		(2)
15211CK2199	Phan Nguyễn Minh	Thơ	01/10/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2342	Võ Văn	Toàn	12/06/1997	CD15CK7	1786	696		**2**	10	
15211CK2242	Nguyễn Văn	Trọng	08/12/1996	CD15CK7	1178			**1**		(1)
15211CK2234	Võ Văn	Trực	10/02/1997	CD15CK7	1265	792		**2**	8.8	
15211CK2260	Ngô Đức	Trung	19/12/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2233	Tạ Anh	Tuấn	18/03/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2606	Nguyễn Văn	Tuấn	10/06/1996	CD15CK7				**0**		
15211CK2172	Trần Thanh	Tùng	26/10/1997	CD15CK7				**0**		
15211CK2322	Nguyễn Hữu	Văn	07/02/1997	CD15CK7	1266	790		**2**	7.6	
15211CK2430	Nguyễn Quang	Vinh	10/02/1997	CD15CK7	1607	1037		**2**		(1)
Lớp CD16CK1										
16211CK0144	Nguyễn Việt	An	07/05/1996	CD16CK1	4412	6316		**2**	10	
16211CK0007	Lê Đình	Ân	13/02/1996	CD16CK1				**0**		(2)
16211CK0428	Vòng Hoàng	Anh	12/06/1996	CD16CK1				**0**		
16211CK0136	Lê Thành	Bắc	22/06/1998	CD16CK1	4228	6414	4530	**3**	10	
16211CK0117	Trần Hoài	Bảo	19/10/1998	CD16CK1	3771	4685	6384	**3**	7.6	
16211CK2940	Lại Nguyên	Chi	09/10/1998	CD16CK1	4185	4537	6610	**3**	10	
16211CK0062	Trần Mạnh	Cường	08/08/1996	CD16CK1	3570	4615	6415	**3**	10	
16211CK3041	Nguyễn Quốc	Cường	19/06/1998	CD16CK1	3651	4552	6357	**3**	10	
16211CK0298	Lữ Thanh	Đại	02/09/1997	CD16CK1	4103	4600	6378	**3**	10	
16211CK0214	Tống Thành	Đạt	12/07/1998	CD16CK1	6468	4241		**2**	10	
16211CK0151	Thái Ngọc Anh	Đô	07/10/1998	CD16CK1	3955	4684	6524	**3**	10	
16211CK0242	Lê Huỳnh	Đức	30/01/1998	CD16CK1	3595	4581	6250	**3**	10	
16211CK0164	Trần Ngọc	Hải	20/09/1997	CD16CK1	4191	4527		**2**	10	
16211CK0169	Trần Quốc	Hiền	17/04/1998	CD16CK1				**0**		
16211CK0376	Trần Quang	Hiển	21/07/1998	CD16CK1	4418	6102	4921	**3**	6.4	
16211CK0423	Phạm Trung	Hiếu	25/09/1998	CD16CK1	6645	3873	4884	**3**	9.6	
16211CK0435	Nguyễn Văn	Hòa	30/09/1998	CD16CK1	4318	6469	4012	**3**	7.6	
16211CK0265	Trần Phi	Hoài	16/01/1998	CD16CK1	4626	3847	6356	**3**	10	
16211CK0121	Nguyễn Thế	Hùng	03/02/1998	CD16CK1				**0**		(2)
16211CK0453	Nguyễn Việt	Hùng	10/02/1998	CD16CK1				**0**		(2)
16211CK0001	Phạm Văn	Huy	01/09/1993	CD16CK1	3652	6772		**2**	9.6	
16211CK0429	Nguyễn Bảo	Huy	29/05/1998	CD16CK1	4193	6225	3984	**3**	8	
16211CK0194	Mai Trần Tuấn	Khánh	03/05/1997	CD16CK1	3829			**1**	6.4	
16211CK0259	Phan Thành	Nam	19/11/1996	CD16CK1	4393	6597		**2**	10	
16211CK0047	Lê Xuân	Nguyên	01/03/1997	CD16CK1	3913	4875	6541	**3**	9.6	
16211CK0163	Nguyễn Đình	Nguyên	20/01/1998	CD16CK1	4186	4528		**2**	10	
16211CK0324	Nguyễn Trường	Nhân	15/08/1994	CD16CK1				**0**		(2)
16211CK3119	Ngô Anh	Nhất	14/02/1998	CD16CK1				**0**		(2)
16211CK0404	Nguyễn Đình	Nhật	20/05/1997	CD16CK1	3608	4728		**2**	8.4	
16211CK0333	Trần Việt	Pháp	18/05/1998	CD16CK1	3822	4676		**2**	9.2	
16211CK0308	Trương Phương	Phi	27/08/1998	CD16CK1	4854	3901	6765	**3**	8	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
16211CK3064	Hồ Ngọc Minh	Quân	19/12/1997	CD16CK1				**0**		(2)
16211CK0249	Nguyễn Văn	Quang	23/06/1997	CD16CK1	4179	6065		**2**	7.6	
16211CK0235	Đỗ Quang	Sang	25/01/1998	CD16CK1	6486			**1**	7.2	
16211CK0105	Ngô Ngọc	Sơn	05/03/1998	CD16CK1	4620	4145	6417	**3**	10	
16211CK0426	Trần Thái	Sơn	19/12/1998	CD16CK1	6240	3501	3713	**3**	7.6	
16211CK3096	Nguyễn Doãn	Sơn	04/04/1997	CD16CK1				**0**		
16211CK0080	Lê Văn	Tâm	30/12/1996	CD16CK1	6094			**1**		(1)
16211CK0234	Thạch	Tàu	13/09/1998	CD16CK1	6477			**1**	10	
16211CK0170	Nguyễn	Thiên	08/04/1998	CD16CK1				**0**		
16211CK0438	Đặng Bá	Thuận	10/08/1998	CD16CK1	4403	6336	4503	**3**	9.2	
16211CK0021	Trần Đức	Tiến	04/06/1996	CD16CK1				**0**		
16211CK0043	Nguyễn Bảo	Tiến	09/12/1995	CD16CK1				**0**		(2)
16211CK0316	Ngô Minh	Tiến	06/01/1998	CD16CK1				**0**		(2)
16211CK0434	Lê Trung	Tính	19/09/1998	CD16CK1	4398	6432		**2**	10	
16211CK0039	Nguyễn Trần Minh	Triết	07/01/1996	CD16CK1				**0**		
16211CK0106	Hoàng Văn Nhật	Trình	02/12/1998	CD16CK1	3544	4619	6696	**3**	10	
16211CK0191	Nguyễn Đức	Trọng	22/04/1998	CD16CK1	3653			**1**	6.4	
16211CK0138	Lê Minh	Trung	24/09/1998	CD16CK1	4155	4681	6107	**3**	6.4	
16211CK0278	Trần Nhật	Trường	06/12/1997	CD16CK1	4188	6647		**2**	10	
16211CK0450	Nguyễn Thanh	Tuấn	14/03/1998	CD16CK1	6590			**1**		(1)
16211CK0149	Võ Thanh	Tùng	17/09/1998	CD16CK1	3953	4688	6526	**3**	10	
16211CK0150	Giảng Thanh	Tùng	22/12/1998	CD16CK1	3952	4687	6527	**3**	10	
16211CK0335	Phạm Đình	Văn	10/09/1997	CD16CK1				**0**		
16211CK0110	Lê Xuân	Vũ	07/01/1998	CD16CK1	4187	4279	6412	**3**	9.6	
Lớp CD16CK2										
16211CK1145	Lê Quốc	An	04/07/1998	CD16CK2	4429	6101	4916	**3**	10	
16211CK1184	Phạm Quốc	An	20/08/1998	CD16CK2	3634	4534	6490	**3**	8.4	
16211CK1140	Bùi Gia	Bảo	07/07/1996	CD16CK2	3513	4072		**2**	10	
16211CK0462	Nguyễn Phương	Bình	04/07/1998	CD16CK2	3914	6579	4867	**3**	10	
16211CK0930	Trần Anh	Chiến	16/04/1998	CD16CK2	4422	6315	4447	**3**		(1)
16211CK1827	Trịnh Xuân	Chinh	08/12/1998	CD16CK2	5739	5170	7083	**3**	6.4	
16211CK1004	Phạm Quốc	Cường	13/07/1998	CD16CK2				**0**		
16211CK1146	Nguyễn Tấn	Đạt	12/02/1998	CD16CK2	3835	6449	4468	**3**	10	
16211CK0956	Nguyễn Quốc Anh	Duy	04/10/1997	CD16CK2	6386			**1**	8	
16211CK1170	Lê Đức	Duy	26/08/1998	CD16CK2	4340	4445	6760	**3**	8.8	
16211CK3012	Hồ Văn	Giàng	18/11/1997	CD16CK2	3813	4818	6290	**3**	8.8	
16211CK1125	La Ngọc	Hải	15/12/1998	CD16CK2	4364	6542	4576	**3**	9.6	
16211CK0946	Nguyễn Nhựt	Hào	07/03/1998	CD16CK2	3881	6646	4883	**3**	8	
16211CK1209	Nguyễn Nhật	Hào	27/06/1998	CD16CK2	3670	4941	6313	**3**	7.6	
16211CK0863	Đỗ Trung	Hiếu	17/06/1996	CD16CK2	6342	3660		**2**	8.4	
16211CK0909	Nguyễn Bá	Hổ	02/10/1998	CD16CK2	6740			**1**	7.6	
16211CK1284	Huỳnh Thái	Hòa	20/09/1998	CD16CK2	3850	4514	6297	**3**	9.2	
16211CK1225	Phan Anh	Hoài	07/02/1998	CD16CK2	3620	4290		**2**	9.2	
16211CK1156	Nguyễn Huy	Hoàng	10/07/1997	CD16CK2	3635			**1**		(1)
16211CK1214	Bùi Tấn	Hưng	03/03/1997	CD16CK2	3740	4960	6630	**3**	5.2	
16211CK0494	Lê Duy	Khánh	06/09/1995	CD16CK2	4227	4739		**2**		(1)

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
16211CK1067	Nguyễn Trọng	Linh	17/11/1998	CD16CK2	4410	6626	4617	**3**	9.6	
16211CK0910	Nguyễn Hữu	Lộc	27/04/1997	CD16CK2	4362	4585	6372	**3**	8.8	
16211CK2997	Đoàn Thanh	Luân	01/01/1998	CD16CK2	3800	4431	6501	**3**		(1)
16211CK0916	Trần Ngọc	Mạnh	03/05/1998	CD16CK2	4324	6271	4781	**3**	6.8	
16211CK1000	Đinh Nhật	Nam	11/02/1998	CD16CK2	4372	6543	4874	**3**	9.6	
16211CK1026	Đoàn Trần	Nam	19/07/1997	CD16CK2				**0**		
16211CK1129	Trương Hoàng	Nam	17/03/1998	CD16CK2	3971	6506	4754	**3**	10	
16211CK1182	Đỗ Ngọc	Nam	05/12/1998	CD16CK2	3596	4440	6364	**3**	9.6	
16211CK1224	Lê Văn	Nam	05/03/1998	CD16CK2	4240	4443		**2**	8.8	
16211CK0474	Lương Nguyễn Trọng	Nghĩa	02/12/1998	CD16CK2	3749	6140		**2**		(1)
16211CK1082	Hồ Chí	Ngọc	08/11/1997	CD16CK2	6759			**1**	8.8	
16211CK1166	Nguyễn Đăng Thành	Nhân	31/01/1998	CD16CK2	6301			**1**	6.8	
16211CK2985	Hồ Trọng	Nhân	08/03/1997	CD16CK2	3978	4284	6472	**3**		(1)
16211CK1197	Nguyễn Thành	Phú	16/12/1998	CD16CK2	3552	4951	6465	**3**	7.6	
16211CK1208	Nguyễn Đăng	Quốc	12/06/1998	CD16CK2	3799	4518	6223	**3**	8.8	
16211CK1074	Nguyễn Văn	Sang	06/01/1998	CD16CK2	3833	6546	4736	**3**	8	
16211CK1019	Nguyễn Thái	Sơn	10/01/1998	CD16CK2	4336	6710	4080	**3**	8.4	
16211CK1203	Phạm Trần Anh	Tài	30/11/1998	CD16CK2	3871	6099		**2**	9.2	
16211CK1097	Đinh Minh	Tâm	09/06/1998	CD16CK2	3861	4032		**2**	10	
16211CK3098	Tiêu Minh	Thái	29/08/1995	CD16CK2				**0**		
16211CK0899	Trần Quốc	Thắng	20/06/1998	CD16CK2	6267			**1**	5.2	
16211CK1096	Ca Lê	Thắng	19/03/1997	CD16CK2	4371	6182	4961	**3**	9.2	
16211CK1016	Nguyễn Tấn	Thịnh	12/10/1998	CD16CK2	4170	6377	4013	**3**	9.6	
16211CK1173	Triệu Văn	Thời	16/02/1998	CD16CK2				**0**		
16211CK1175	Nguyễn Huỳnh	Thương	30/11/1998	CD16CK2	3875	4895	6434	**3**	8	
16211CK0969	Huỳnh Minh	Tiến	15/03/1997	CD16CK2	3770	6625	4779	**3**	10	
16211CK1071	Lê Đỗ Minh	Tiến	19/11/1998	CD16CK2	3826			**1**		(1)
16211CK1050	Vạn Ngọc Bảo	Tín	01/06/1998	CD16CK2				**0**		(2)
16211CK1227	Trần Hữu	Tính	08/11/1998	CD16CK2	3763	4761	6721	**3**	8.8	
16211CK0480	Cao Nguyễn Huyền	Trang	20/11/1998	CD16CK2	3969	6497	4709	**3**	10	
16211CK1116	Nguyễn Bá	Trinh	10/04/1998	CD16CK2				**0**		
16211CK1132	Nguyễn Anh	Tuấn	10/10/1994	CD16CK2				**0**		
16211CK0906	Mai Đức	Văn	19/11/1998	CD16CK2	4029	6503	3863	**3**	7.6	
16211CK1143	Cao Thanh	Vũ	23/09/1998	CD16CK2	3503	6246	3716	**3**	8	
16211CK2368	Nguyễn Tuấn	Vũ	28/12/1997	CD16CK2	5309			**1**	9.6	
Lớp CD16CK3										
16211CK1555	Lê Trọng	Ân	13/02/1998	CD16CK3	4085	4673	6754	**3**	8.8	
16211CK1418	Cao Quốc	Bảo	10/04/1998	CD16CK3	3820	4677	6551	**3**	8	
16211CK1502	Bùi Phát	Đạt	15/12/1998	CD16CK3	4409	4923	6144	**3**	9.2	
16211CK1542	Vũ Hoàng Tiến	Đạt	10/07/1998	CD16CK3				**0**		
16211CK1387	Nguyễn Văn	Đức	06/12/1998	CD16CK3	4206	4504	6257	**3**	10	
16211CK3099	Nguyễn Khương	Duy	10/04/1998	CD16CK3				**0**		
16211CK1271	Nguyễn Anh	Hào	10/06/1998	CD16CK3	3755	6442		**2**	8.8	
16211CK1440	Lê Minh	Hào	22/04/1998	CD16CK3	4138	4266	6366	**3**	7.2	
16211CK1570	Trần Anh	Hào	01/04/1998	CD16CK3	6227			**1**	9.6	
16211CK1448	Hà Trung	Hiếu	12/06/1998	CD16CK3	3565			**1**		(1)

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
16211CK1619	Đặng Văn	Hiếu	25/05/1998	CD16CK3				**0**		(2)
16211CK1441	Nguyễn Văn	Hoàng	09/03/1998	CD16CK3	3804	4580	6352	**3**	6.8	
16211CK1388	Trần Đức	Huy	10/02/1998	CD16CK3	4329	6169		**2**		(1)
16211CK1482	Nguyễn	Huy	28/04/1998	CD16CK3	3574	4811	6451	**3**		(1)
16211CK1539	Phạm Ngô Gia	Huy	01/11/1998	CD16CK3	4131	3997	6195	**3**	6	
16211CK1359	Nguyễn Hoàng	Khang	12/12/1998	CD16CK3	3877	4899	6433	**3**	8	
16211CK1470	Huỳnh Hữu	Khoa	20/04/1998	CD16CK3				**0**		(2)
16211CK1422	Phạm Phước	Lộc	07/02/1998	CD16CK3	3821	4561	6293	**3**	7.6	
16211CK1288	Nguyễn Hoàng Phi	Long	31/12/1998	CD16CK3				**0**		
16211CK3054	Trần Văn	Long	08/02/1997	CD16CK3	6589			**1**	9.6	
16211CK1415	Đào Bá	Luân	30/09/1998	CD16CK3	4123	3706	6588	**3**	9.6	
16211CK1602	Nguyễn Nhựt	Minh	19/05/1998	CD16CK3	3796	4536	6456	**3**	8.4	
16211CK1289	Nguyễn Phương	Nam	18/01/1997	CD16CK3	3728	4813	6288	**3**	10	
16211CK1256	Nguyễn Vũ	Nhân	08/09/1998	CD16CK3	4151	4269	6547	**3**	10	
16211CK3044	Trương Văn	Nhân	24/06/1998	CD16CK3	6549			**1**		(1)
16211CK1421	Trần Sinh	Nhật	20/02/1998	CD16CK3	3902	4778	6637	**3**	7.2	
16211CK1503	Nguyễn Minh	Nhựt	26/01/1998	CD16CK3	4402	4926	6146	**3**	7.6	
16211CK1637	Phạm Thanh	Phú	13/12/1997	CD16CK3				**0**		
16211CK1479	Trần Minh	Phúc	02/11/1998	CD16CK3	4203	4748	6567	**3**	9.6	
16211CK2822	Huỳnh Minh	Phương	19/08/1998	CD16CK3				**0**		(2)
16211CK1405	Đoàn Phạm Minh	Quân	03/07/1998	CD16CK3	3921	4005	6121	**3**	9.6	
16211CK1607	Đặng Minh	Quang	28/03/1998	CD16CK3	3659	4479	6601	**3**		(1)
16211CK1629	Nguyễn Tấn	Quy	02/04/1998	CD16CK3	4129	4740		**2**	10	
16211CK3005	Võ Quốc	Sĩ	13/05/1998	CD16CK3	3589	4512		**2**	9.6	
16211CK1232	Nguyễn Thái	Sơn	01/04/1998	CD16CK3				**0**		
16211CK1394	Hồ Anh	Tài	09/02/1998	CD16CK3	4239	4276	6261	**3**	10	
16211CK1562	Bùi Ngọc Thanh	Tân	28/01/1998	CD16CK3	3631	4582		**2**	9.6	
16211CK1382	Mai Văn	Thắng	10/06/1996	CD16CK3	3807	4706	6079	**3**	7.6	
16211CK1268	Trần Tuấn	Thanh	02/07/1997	CD16CK3	4352	4764	6208	**3**	9.2	
16211CK3143	Nguyễn Minh	Thiện	20/02/1998	CD16CK3				**0**		
16211CK1233	Trần Minh	Tiến	15/01/1997	CD16CK3	6370			**1**	9.6	
16211CK1237	Lê Minh	Tiến	22/08/1998	CD16CK3	4236	6319		**2**	10	
16211CK1618	Trần Văn	Tịnh	13/12/1997	CD16CK3	3730	4885	6095	**3**	5.2	
16211CK1529	Phạm Hoàng	Trí	14/01/1998	CD16CK3	7015			**1**	10	
16211CK1532	Trần Thanh	Trí	15/10/1998	CD16CK3	4245	4806		**2**		(1)
16211CK1297	Đào Quang	Trung	22/04/1996	CD16CK3	3514	3983	6706	**3**	9.6	
16211CK1283	Võ Văn	Tư	08/03/1998	CD16CK3	4411	6726		**2**	8.4	
16211CK1299	Trần Lê Minh	Tuấn	31/07/1998	CD16CK3	4404	4035	6063	**3**	8	
16211CK1571	Lê Anh	Tuấn	20/05/1997	CD16CK3	3567	6207		**2**	9.6	
16211CK1624	Nguyễn Đức	Tuấn	30/11/1998	CD16CK3				**0**		(2)
16211CK1252	Phạm Thế	Vinh	01/01/1998	CD16CK3	3624	4593	6070	**3**	9.6	
16211CK1328	Nguyễn Đức	Vũ	17/04/1998	CD16CK3	4157	4285		**2**	10	
16211CK1363	Trương Quang	Vững	25/12/1998	CD16CK3	4235	6127		**2**	8.8	
16211CK1623	Nguyễn Trọng	Ý	20/11/1998	CD16CK3	4142	4586	6363	**3**	9.6	
Lớp CD16CK4										
16211CK1688	Trần Công	Anh	20/08/1998	CD16CK4	4330	6137		**2**	8.8	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
16211CK1932	Vũ Ngọc	Anh	02/07/1991	CD16CK4				**0**		
16211CK1969	Trần Thanh	Bình	20/11/1998	CD16CK4	4110	6151		**2**	10	
16211CK1887	Lê Công	Bút	25/05/1998	CD16CK4	3776	4704	6573	**3**		(1)
16211CK1748	Đỗ Hoàng	Chánh	29/07/1998	CD16CK4				**0**		
16211CK1807	Nguyễn Đức	Hảo	01/01/1998	CD16CK4	3553	4618	6715	**3**	7.6	
16211CK2004	Nguyễn Ngọc	Hiến	12/08/1998	CD16CK4	4692	3848	6594	**3**	10	
16211CK1839	Nguyễn Minh	Hiếu	02/02/1998	CD16CK4	3775	6770		**2**	5.2	
16211CK2060	Nguyễn Trọng	Hiếu	15/01/1998	CD16CK4	3609	4574	6643	**3**	7.2	
16211CK2033	Nguyễn Ngọc	Hòa	02/10/1998	CD16CK4	4367	4853	6103	**3**	6	
16211CK1907	Lê Văn	Hộp	12/09/1998	CD16CK4	3889	4453	6690	**3**	8.4	
16211CK2067	Đặng Thanh	Huy	21/06/1998	CD16CK4	4328	4434	6769	**3**	6.8	
16211CK1801	Trương Văn	Kha	12/02/1998	CD16CK4				**0**		(2)
16211CK1999	Đặng Quốc	Khánh	13/09/1998	CD16CK4	4156			**1**	7.2	
16211CK1664	Nguyễn Nhựt	Khoa	27/08/1998	CD16CK4	3867	4922	6617	**3**	10	
16211CK2105	Đào Văn	Kim	27/02/1997	CD16CK4	3801	4430	6499	**3**	8.8	
16211CK1857	Trần Văn	Lân	09/01/1998	CD16CK4				**0**		
16211CK1874	Lương Minh	Lộc	26/10/1998	CD16CK4	6283			**1**		(1)
16211CK1994	Trần Hữu	Lộc	10/03/1998	CD16CK4				**0**		
16211CK2569	Khúc Thừa Xuân	Lộc	12/12/1998	CD16CK4	3870	4689		**2**	10	
16211CK3161	Nguyễn Văn	Lộc	08/10/1997	CD16CK4				**0**		
16211CK2017	Lê Tự	Long	10/07/1997	CD16CK4				**0**		(2)
16211CK1804	Phan Hoàng	Minh	01/11/1996	CD16CK4	6619			**1**	7.2	
16211CK1812	Phạm Quốc	Nghĩa	30/11/1998	CD16CK4				**0**		
16211CK1841	Nguyễn Tấn	Nghĩa	11/12/1997	CD16CK4	4309	4015	6189	**3**	6	
16211CK1849	Mai Thiện	Nhân	22/03/1998	CD16CK4	4136	4511	6701	**3**	5.6	
16211CK1909	Phạm Thế	Nhân	16/10/1998	CD16CK4	4196	4498	6578	**3**	10	
16211CK1778	Nguyễn	Nhất	25/02/1998	CD16CK4	3732	4897	6658	**3**	10	
16211CK1847	Nguyễn Đoàn Minh	Nhật	21/03/1998	CD16CK4	3972	4472	6119	**3**	9.2	
16211CK1872	Lê Trung	Phong	16/07/1998	CD16CK4	3890	4857		**2**	6	
16211CK2074	Nguyễn Thành	Phước	26/05/1998	CD16CK4	6076			**1**	10	
16211CK2870	Phạm Anh	Quốc	07/07/1997	CD16CK4	3891	6365		**2**	9.2	
16211CK3080	Nguyễn Xuân	Quốc	09/06/1997	CD16CK4				**0**		(2)
16211CK3001	Phạm	Sơn	20/06/1998	CD16CK4	4167	4016	6734	**3**	7.6	
16211CK2013	Phan Thành	Tâm	29/04/1997	CD16CK4				**0**		
16211CK1833	Huỳnh Châu	Thạch	31/12/1998	CD16CK4	3798	4698	6159	**3**	8.4	
16211CK1936	Lê Thanh	Thắng	12/05/1996	CD16CK4				**0**		(2)
16211CK1947	Đặng Duy	Thiện	30/04/1998	CD16CK4				**0**		
16211CK1924	Lê Hải	Thịnh	19/05/1998	CD16CK4	3846	4832	6521	**3**	10	
16211CK1644	Cao Văn	Thọ	20/06/1998	CD16CK4	3789	4462	6054	**3**	8	
16211CK1757	Nguyễn Hữu	Thoại	20/06/1998	CD16CK4	4701			**1**	9.6	
16211CK2006	Nguyễn Văn	Thông	07/10/1998	CD16CK4	4693	3956	6505	**3**	10	
16211CK3013	Phan Hoài	Thuận	28/01/1995	CD16CK4	3951	4694	6539	**3**	8	
16211CK3170	Kim Minh	Tín	29/02/1992	CD16CK4				**0**		
16211CK3109	Nguyễn Văn	Tình	08/08/1994	CD16CK4				**0**		
16211CK1775	Nguyễn Văn	Tới	06/06/1998	CD16CK4	3774	4703	6572	**3**	5.6	
16211CK1648	Đoàn Minh	Trí	26/02/1998	CD16CK4	4184	4485	6133	**3**	9.2	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
16211CK2084	Trần Lê Minh	Trọng	10/04/1998	CD16CK4	4207			**1**		(1)
16211CK1816	Trần Xuân	Trường	20/08/1998	CD16CK4	6680			**1**	6.4	
16211CK1745	Hồ Văn	Trưởng	04/02/1998	CD16CK4				**0**		
16211CK1861	Trần Đình	Tú	28/10/1998	CD16CK4	3531	4887	6092	**3**	10	
16211CK1746	Nguyễn Anh	Tuấn	04/05/1998	CD16CK4	3788			**1**	6	
16211CK1813	Trương Ngọc	Vin	15/08/1998	CD16CK4	6407			**1**	7.6	
16211CK1754	Trần Đức	Vương	22/10/1997	CD16CK4	3511	4010	6609	**3**	10	
16211CK2012	Nguyễn Thế	Vỹ	24/04/1998	CD16CK4	4525	3851		**2**		(1)
Lớp CD16CK5										
16211CK2134	Dương Công	Anh	10/04/1998	CD16CK5	3592	6198		**2**	9.2	
16211CK2294	Tôn Thất Hoàng	Anh	01/08/1997	CD16CK5	3621	4532		**2**		(1)
16211CK2545	Nguyễn Văn	Bình	02/09/1996	CD16CK5				**0**		(2)
16211CK2204	Trềnh Và	Cấm	04/01/1998	CD16CK5	4924			**1**		(1)
16211CK3055	Lê Đức	Công	22/12/1995	CD16CK5	7970	7290	6443	**3**	10	
16211CK2196	Lưu Tấn	Đại	24/09/1998	CD16CK5	3954	4683	6525	**3**		(1)
16211CK2377	Nguyễn Huy	Danl	02/01/1998	CD16CK5	3885	4902	6691	**3**	8	
16211CK2110	Phạm Hoàng Quốc	Đạt	10/02/1997	CD16CK5				**0**		
16211CK2416	Bùi Quốc	Đạt	06/06/1998	CD16CK5	3916	4079	6694	**3**	8.4	
16211CK2502	Lê Kim	Đính	09/04/1998	CD16CK5				**0**		
16211CK2255	Cao Quốc	Dũng	09/11/1997	CD16CK5	3834	4463	6474	**3**	6.8	
16211CK2512	Lâm Thoại	Dương	17/05/1998	CD16CK5				**0**		
16211CK2269	Đỗ Ngọc	Hải	29/07/1998	CD16CK5	4194	6157		**2**	6.8	
16211CK2310	Đoàn Nguyễn Phi	Hải	01/06/1998	CD16CK5	3554	4630	6436	**3**	8.4	
16211CK2549	Nguyễn Văn	Hải	19/02/1997	CD16CK5	6232			**1**	7.2	
16211CK2285	Bùi Đức	Hào	10/06/1998	CD16CK5	3945	6556		**2**	9.2	
16211CK2129	Huỳnh Chí	Hảo	18/07/1998	CD16CK5	4549	3614	6298	**3**		(1)
16211CK3086	Nguyễn Kim	Hậu	09/02/1993	CD16CK5				**0**		
16211CK1945	Huỳnh Xuân	Hiếu	16/05/1998	CD16CK5	4172	4513		**2**	8.8	
16211CK2086	Nguyễn Trung	Hiếu	24/07/1997	CD16CK5	4407	4734	6886	**3**	6.8	
16211CK2401	Phan Ngọc	Hiếu	26/08/1998	CD16CK5				**0**		
16211CK2192	Trịnh Huy	Hoàng	31/01/1998	CD16CK5	4130	3998	6194	**3**	4.8	
16211CK2239	Trần Chí	Khang	14/07/1998	CD16CK5				**0**		(2)
16211CK2422	Phạm Đăng	Khoa	10/06/1998	CD16CK5	4247	4038	6720	**3**	5.6	
16211CK2358	Mai Hoàng Tuấn	Kiệt	15/06/1997	CD16CK5	4212	4460	6132	**3**	7.2	
16211CK2560	Nguyễn Phú	Lộc	02/05/1996	CD16CK5	4109	4001		**2**		(1)
16211CK2485	Phan Phúc	Nguyên	20/06/1998	CD16CK5	3522	6329	3699	**3**	8.4	
16211CK2133	Võ Xuân	Phát	14/12/1998	CD16CK5	4522	3591	6200	**3**	9.6	
16211CK2122	Nguyễn Hoàng	Phương	28/04/1998	CD16CK5				**0**		
16211CK2138	Thái Trọng	Quyền	26/05/1998	CD16CK5				**0**		
16211CK2427	Dương Tấn	Sâm	25/08/1998	CD16CK5	4722	6639		**2**	10	
16211CK2274	Dương Trần Tiến	Sang	14/02/1998	CD16CK5	4182	4263	6147	**3**	10	
16211CK2364	Huỳnh Văn	Sang	04/01/1997	CD16CK5	6339			**1**	10	
16211CK2484	Nguyễn Công Thiên	Tài	10/08/1997	CD16CK5				**0**		
16211CK1942	Nguyễn Công	Thạch	24/10/1998	CD16CK5	6972	3628		**2**		(1)
16211CK2288	Đỗ Trí	Thành	05/06/1997	CD16CK5	4471			**1**	10	
16211CK0951	Trần Uy	Thức	29/06/1998	CD16CK5	4181	6406	4028	**3**	10	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
16211CK2172	Trần Minh	Thuyết	26/07/1998	CD16CK5	4105			**1**	6.4	
16211CK3110	Nguyễn Văn	Tiên	25/06/1997	CD16CK5				**0**		
16211CK2309	Trương Văn	Tiến	26/04/1998	CD16CK5	3550	4633	6435	**3**	8.4	
16211CK2988	Vũ Thượng	Toàn	22/05/1998	CD16CK5	3505	3702	6180	**3**	9.6	
16211CK2467	Phạm Thanh	Tra	19/06/1998	CD16CK5	3563	6652		**2**	8.4	
16211CK2950	Nguyễn Thành	Trân	28/01/1998	CD16CK5				**0**		(2)
16211CK2429	Phan Văn	Tráng	03/07/1997	CD16CK5	4376	4595	6418	**3**	6.8	
16211CK2131	Dương Quốc	Trung	17/12/1997	CD16CK5	4771	3741	6634	**3**		(1)
16211CK2407	Phạm Vũ	Trung	14/11/1998	CD16CK5	3643	6736		**2**	8.8	
16211CK2408	Huỳnh Ngọc	Trung	12/01/1997	CD16CK5				**0**		(2)
16211CK2209	Đào Xuân	Trường	19/12/1998	CD16CK5	3809	4452	6534	**3**	9.2	
16211CK2366	Bùi Tiến	Trường	07/04/1998	CD16CK5	4086	4671	6744	**3**	9.2	
16211CK2107	Nguyễn Lê Thanh	Tuấn	11/01/1998	CD16CK5	3950	6373	4846	**3**	8.8	
16211CK2362	Đỗ Duy	Tuấn	08/07/1997	CD16CK5	3557	4262	6175	**3**	5.6	
16211CK2544	Đoàn Minh	Tuấn	18/12/1995	CD16CK5				**0**		(2)
16211CK2388	Đỗ Khánh	Việt	16/04/1998	CD16CK5	4380	4589	6454	**3**	6	
16211CK2327	Đỗ Văn	Vương	15/03/1998	CD16CK5	6575			**1**	8.8	
Lớp CD16CK6										
16211CK2823	Đào Tuấn	Anh	02/11/1998	CD16CK6	3685	4726	6718	**3**	6.8	
16211CK2809	Nguyễn Xuân Anh	Ảnh	09/03/1998	CD16CK6	4702			**1**	9.2	
16211CK2883	Phan Thành	Bảo	09/01/1998	CD16CK6	3687	4727	6723	**3**	8	
16211CK2801	Nguyễn Thái	Châu	05/07/1998	CD16CK6	3669	4928	6413	**3**	10	
16211CK2720	Phan Phú	Cường	29/06/1998	CD16CK6				**0**		
16211CK2630	Võ Thanh	Đàn	26/12/1998	CD16CK6	3753	6660	4064	**3**	9.2	
16211CK3113	Trần Văn	Dinh	20/05/1997	CD16CK6				**0**		
16211CK3087	Hoàng Văn	Đoàn	02/12/1998	CD16CK6				**0**		
16211CK2811	Phạm Việt	Đức	03/06/1998	CD16CK6	4308			**1**		(1)
16211CK2797	Phạm Văn	Dũng	17/03/1997	CD16CK6				**0**		
16211CK2685	Nguyễn Khánh	Duy	04/11/1998	CD16CK6	3897	4896	6231	**3**		(1)
16211CK2710	Đặng Nguyễn Hoàng Kh	Duy	16/09/1998	CD16CK6	4316	4069	6676	**3**	7.2	
16211CK2776	Nguyễn Thế	Duy	16/06/1997	CD16CK6	3527	6608		**2**		(1)
16211CK2735	Nguyễn Vĩnh	Giang	28/12/1997	CD16CK6	6355			**1**		(1)
16211CK2592	Huỳnh Văn	Hào	19/05/1998	CD16CK6	4313	6409		**2**		(1)
16211CK2730	Đỗ Huy	Hiền	22/07/1998	CD16CK6	4102	4881	6124	**3**	6	
16211CK2789	Lê Trung	Hiếu	27/07/1997	CD16CK6				**0**		
16211CK2915	Lê Bá	Hoài	10/05/1998	CD16CK6	3816	4762	6353	**3**	10	
16211CK2591	Trần Đình	Hoan	08/04/1998	CD16CK6	4306	6408		**2**		(1)
16211CK2899	Kim Xuân	Hoàng	05/04/1998	CD16CK6	4566			**1**	7.6	
16211CK2901	Nguyễn Duy	Hùng	13/04/1998	CD16CK6	4556			**1**	7.2	
16211CK2702	Nguyễn Thế	Hưng	20/09/1998	CD16CK6	3594	4957	6559	**3**		(1)
16211CK2167	Lê Văn	Hương	10/06/1998	CD16CK6	4388	4950	6455	**3**	9.6	
16211CK2570	Phạm Lưu Anh	Khoa	02/07/1998	CD16CK6	4325	4066	6206	**3**	9.6	
16211CK2600	Võ Chí	Khoa	10/08/1998	CD16CK6	3855	4808	6385	**3**	10	
16211CK2585	Nguyễn Huy	Lộc	23/07/1997	CD16CK6	3577	6388		**2**	10	
16211CK2931	Nguyễn An	Lợi	06/04/1998	CD16CK6	3904	4953		**2**	8.8	
16211CK1309	Trương Võ Hoàng	Long	16/01/1998	CD16CK6	6494			**1**	9.2	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
16211CK2774	Huỳnh Công	Minh	17/11/1996	CD16CK6				**0**		
16211CK2635	Vũ Văn	Nam	06/11/1998	CD16CK6				**0**		
16211CK2898	Lê Hoài	Nam	04/07/1998	CD16CK6	4555			**1**	8.8	
16211CK2611	Trần Ngọc	Nguyên	24/08/1998	CD16CK6				**0**		
16211CK2791	Nguyễn Vĩnh	Nguyên	28/09/1998	CD16CK6				**0**		
16211CK2877	Lê Phi	Nguyên	15/08/1997	CD16CK6	6538			**1**	7.6	
16211CK1215	Phan Thanh	Nhân	20/03/1997	CD16CK6				**0**		(2)
16211CK2727	Nguyễn Rạng	Nhật	17/09/1998	CD16CK6	4419	3691	6233	**3**	9.6	
16211CK2821	Phan Quốc	Phong	20/10/1998	CD16CK6	3684	4725	6719	**3**	6.8	
16211CK2572	Nguyễn Văn	Quang	26/05/1998	CD16CK6	3748	4839	6737	**3**	8	
16211CK2533	Đại Ngọc	Tâm	20/03/1997	CD16CK6	3661	4931		**2**	8.4	
16211CK2697	Phan Thành	Tâm	29/04/1997	CD16CK6	4405	4944	6380	**3**	9.6	
16211CK2579	Phù Đình	Thiện	18/10/1996	CD16CK6	4386	4945	6463	**3**	9.2	
16211CK2615	Phan Chí	Thiện	06/01/1997	CD16CK6				**0**		
16211CK2839	Nguyễn Đức	Tiến	26/11/1995	CD16CK6	4127	6190		**2**	10	
16211CK2748	Võ Văn	Tính	03/12/1997	CD16CK6	3974	4753	6533	**3**	8.4	
16211CK2770	Lê Văn	Tình	11/05/1998	CD16CK6	3642	6513		**2**		(1)
16211CK2744	Nguyễn Hữu	Trí	02/02/1998	CD16CK6	3856	4794	6515	**3**	8.8	
16211CK2830	Nguyễn Duy	Trung	10/08/1998	CD16CK6	3650	4590	6318	**3**	10	
16211CK3039	Nguyễn Văn	Trưởng	06/04/1998	CD16CK6	4606	6349		**2**		(1)
16211CK2796	Phan Anh	Tú	21/04/1998	CD16CK6	6460			**1**	5.6	
16211CK2926	Nguyễn Minh	Tuấn	15/09/1998	CD16CK6				**0**		(2)
16211CK2982	Phạm Văn	Tung	11/12/1995	CD16CK6	6369			**1**		(1)
16211CK2857	Nguyễn	Vinh	10/08/1998	CD16CK6				**0**		(2)
16211CK2647	Nguyễn Trọng	Vũ	25/05/1997	CD16CK6	4219	4486	6073	**3**		(1)
16211CK2636	Đỗ Tấn	Vy	24/10/1997	CD16CK6	4604			**1**		(1)
Lớp CT15CK1										
15311CK0462	Trần Duy	Anh	26/09/1994	CT15CK1				**0**		
15411CK0669	Trương Minh	Chí	10/01/1996	CT15CK1				**0**		
15411CK0084	Nguyễn Ngọc	Đậm	30/10/1997	CT15CK1	2031			**1**	8.4	
15311CK0075	Lê Văn Tiến	Đạt	08/12/1996	CT15CK1				**0**		
15311CK0135	Nguyễn Quốc	Đạt	10/05/1997	CT15CK1				**0**		
15311CK0213	Đặng Phạm Duy	Đạt	04/08/1997	CT15CK1	2041	2553		**2**	8.8	
15411CK0244	Nguyễn Trần Thành	Đạt	18/06/1997	CT15CK1				**0**		
15311CK0597	Trương Khắc	Duy	11/10/1994	CT15CK1	2027	2592		**2**	8.8	
15311CK0572	Lê Văn	Hiếu	07/12/1997	CT15CK1				**0**		
15311CK0543	Phạm Trần Thế	Hoài	13/09/1996	CT15CK1	2029			**1**	8.4	
15411CK0099	Trần Thanh	Hoan	19/06/1997	CT15CK1				**0**		
15311CK0414	Tằng Phi	Hoàng	13/04/1994	CT15CK1	2052	2594		**2**	8.8	
15411CK0548	Trần Anh	Hoàng	20/05/1997	CT15CK1				**0**		
15411CK0553	Đinh Vũ	Hoàng	22/02/1996	CT15CK1				**0**		
15311CK0325	Thái Thanh	Hùng	24/09/1997	CT15CK1				**0**		
15311CK0556	Ngô Đức	Hưng	03/07/1995	CT15CK1	2026	2593		**2**	8.4	
15311CK0060	Nguyễn Xuân	Huy	10/06/1997	CT15CK1				**0**		
15311CK0345	Trần Vũ Quốc	Huy	28/09/1996	CT15CK1	2030	2571		**2**	8.8	
15311CK0546	Hoàng Văn	Huy	05/04/1996	CT15CK1				**0**		

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
15311CK0576	Phan Hồng	Huy	01/01/1996	CT15CK1				**0**		
15411CK0564	Nguyễn Thành	Huy	21/09/1996	CT15CK1				**0**		
15311CK0448	Nguyễn Duy	Khánh	09/08/1997	CT15CK1				**0**		
15411CK0374	Kim Hữu	Khánh	17/03/1997	CT15CK1	2584			**1**		(1)
15411CK0413	Lê Văn	Khánh	10/08/1997	CT15CK1				**0**		
15411CK0400	Lê Đức	Lệnh	15/10/1997	CT15CK1				**0**		
15311CK0136	Vũ Nhật	Linh	25/07/1997	CT15CK1	2046	2652		**2**	8.8	
15311CK0507	Đặng Ngọc	Linh	16/05/1995	CT15CK1	2039	2581		**2**	8	
15311CK0411	Võ Nguyễn Duy	Lộc	10/02/1993	CT15CK1	2032	2570		**2**	8	
15311CK0464	Nguyễn Văn	Lộc	20/06/1994	CT15CK1	2038	2595		**2**	6.4	
15411CK0248	Bùi Văn	Minh	17/05/1996	CT15CK1				**0**		
15311CK0511	Nguyễn Văn	Nam	30/06/1996	CT15CK1	2033			**1**	8.4	
15411CK0083	Nguyễn Hoài	Nam	12/12/1996	CT15CK1				**0**		
15411CK0281	Nguyễn Phương	Nam	31/08/1997	CT15CK1				**0**		
15311CK0351	Nguyễn Duy	Nghĩa	19/01/1995	CT15CK1	2058	2591		**2**	8.8	
15411CK0495	Nguyễn Thanh	Phong	25/07/1997	CT15CK1				**0**		
Lớp CT15CK2										
15311CK2661	Phạm Văn	Đức	06/07/1995	CT15CK2				**0**		
15311CK0500	Đặng Ngọc	Hải	22/07/1996	CT15CK2				**0**		
15311CK0650	Lê Văn	Hưng	07/04/1997	CT15CK2				**0**		
15411CK0662	Nguyễn Tấn	Hưng	21/07/1996	CT15CK2				**0**		
15311CK0653	Ngô Ngọc	Nam	17/09/1996	CT15CK2				**0**		
15411CK0498	Vương Quang	Nhựt	19/09/1997	CT15CK2				**0**		
15311CK0270	Nguyễn Tấn	Phát	05/04/1997	CT15CK2				**0**		
15311CK0538	Nguyễn Thanh	Phát	02/02/1995	CT15CK2				**0**		
15311CK0343	Nguyễn Duy	Phúc	01/01/1997	CT15CK2				**0**		
15311CK0138	Cao Văn	Quý	04/11/1996	CT15CK2				**0**		
15311CK0381	Trần Văn	Sơn	16/01/1995	CT15CK2				**0**		
15311CK0536	Bùi Đức	Sơn	03/08/1997	CT15CK2	2023	2635		**2**	9.2	
15411CK0324	Bùi Thành	Tân	12/04/1996	CT15CK2				**0**		(2)
15411CK0608	Nguyễn Đức	Tấn	04/08/1997	CT15CK2				**0**		
15311CK0352	Tiêu Vinh	Thắng	17/09/1997	CT15CK2				**0**		
15411CK0517	Trần Ngô	Thanh	04/05/1997	CT15CK2				**0**		(2)
15311CK0257	Nguyễn Văn	Thịnh	08/04/1996	CT15CK2				**0**		
15311CK2677	Huỳnh Bá	Thông	14/02/1996	CT15CK2				**0**		
15411CK0459	Nguyễn Thiên	Thông	01/01/1997	CT15CK2				**0**		
15411CK0452	Nguyễn Thanh	Thuận	03/08/1997	CT15CK2	2040			**1**	9.6	
15311CK0552	Trần Văn	Tiến	18/08/1997	CT15CK2				**0**		
15311CK2666	Trần Đình	Tiến	06/12/1997	CT15CK2				**0**		
15311CK0579	Trương Văn	Tới	22/08/1996	CT15CK2	2020	2639		**2**	9.6	
15311CK0265	Thọ Văn	Trang	20/06/1996	CT15CK2				**0**		
15311CK0143	Nguyễn Thành	Trung	20/08/1996	CT15CK2				**0**		
15311CK0585	Nguyễn Đăng	Trung	23/05/1995	CT15CK2				**0**		
15311CK0040	Nguyễn Nhật	Trường	16/11/1994	CT15CK2				**0**		
15311CK0348	Lê Trần Khải	Tú	22/09/1997	CT15CK2				**0**		
15311CK0430	Nguyễn Long	Tứ	28/02/1997	CT15CK2	2024	2638		**2**	5.6	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
15311CK0085	Thái Anh	Tuấn	08/08/1995	CT15CK2				**0**		(2)
15311CK0233	Đỗ Minh	Tuấn	04/10/1996	CT15CK2				**0**		
15311CK0472	Trịnh Viết	Tuấn	28/07/1996	CT15CK2	2021	2640		**2**	9.6	
15311CK0267	Nguyễn Thanh	Tùng	11/09/1997	CT15CK2				**0**		
15411CK0195	Trần Văn	Tuyến	20/06/1997	CT15CK2				**0**		
15311CK0580	Nguyễn Tuấn	Việt	01/09/1997	CT15CK2				**0**		
15411CK0656	Nguyễn Tấn	Vinh	28/04/1997	CT15CK2				**0**		
Lớp CT16CK1										
16311CK0132	Nguyễn Tuấn	Anh	16/01/1995	CT16CK1				**0**		
16311CK0534	Trần Lê Quốc	Anh	17/10/1996	CT16CK1				**0**		(2)
16411CK0403	Trịnh Xuân	Bằng	05/01/1998	CT16CK1	3507			**1**		(1)
16411CK0172	Nguyễn Thế	Bảo	22/11/1997	CT16CK1				**0**		
16311CK0606	Phan Phú	Biên	02/04/1997	CT16CK1				**0**		
16311CK0503	Hoàng Văn	Bửu	15/11/1998	CT16CK1	4592	4092	6128	**3**	7.6	
16311CK0393	Phạm Minh	Cảnh	26/04/1995	CT16CK1				**0**		
16311CK0460	Phạm Thành	Công	02/04/1998	CT16CK1	4482	3668	6425	**3**	9.2	
16311CK0117	Nguyễn Tấn	Cường	18/01/1998	CT16CK1	3878			**1**		(1)
16311CK0502	Nguyễn Quốc	Cường	02/08/1997	CT16CK1	4558	3961		**2**	9.2	
16311CK0566	Lê Tuấn	Cường	02/06/1996	CT16CK1				**0**		(2)
16311CK2602	Trần Khắc	Cường	10/02/1994	CT16CK1				**0**		
16311CK0490	Trần Thành	Đạt	02/01/1998	CT16CK1	3677	6397		**2**	6.8	
16411CK0137	Trương Hoàng	Đức	01/07/1996	CT16CK1	3654	4675	6530	**3**	5.2	
16411CK0277	Nguyễn Quang	Dũng	09/10/1998	CT16CK1	3676	6522		**2**	9.6	
16311CK0467	Phan Văn	Duy	20/07/1996	CT16CK1	3647	6518		**2**	10	
16411CK0140	Trần Phương	Duy	01/01/1997	CT16CK1	3655	6523		**2**		(1)
16311CK0114	Nguyễn Thành	Hậu	05/12/1998	CT16CK1	6219	3888	6220	**3**	5.2	
16311CK0016	Vũ Xuân	Hoàng	04/05/1995	CT16CK1	4115	6197		**2**	8.8	
16311CK0220	Tống Thư	Hoàng	04/12/1996	CT16CK1	3675	6100		**2**	7.6	
16411CK0585	Hà Duy	Hưng	15/10/1998	CT16CK1				**0**		
16311CK0100	Võ Ngọc	Huy	26/05/1998	CT16CK1	4124	4780	6077	**3**	10	
16411CK0094	Nguyễn Văn Nhật	Huy	20/02/1998	CT16CK1	4837	6285	3724	**3**	7.2	
16311CK2641	Cao Anh	Khoa	31/03/1995	CT16CK1				**0**		
16411CK0289	Phạm Đăng	Khoa	10/07/1997	CT16CK1	4473	6139	3572	**3**	4.4	
16411CK0398	Phan Văn	Kiên	16/02/1998	CT16CK1	6562			**1**	7.6	
16311CK0442	Huỳnh Văn	Lâm	13/07/1998	CT16CK1				**0**		
16311CK0518	Nguyễn Quang	Lộ	24/11/1997	CT16CK1				**0**		
16311CK0374	Tiết Văn	Luân	12/12/1997	CT16CK1	4865	3618	6679	**3**	10	
16311CK0588	Trần Đình	Mạnh	15/04/1998	CT16CK1	4011	4134	6188	**3**		(1)
16311CK0449	Hồ Văn	Nam	13/08/1998	CT16CK1				**0**		
16311CK0519	Bủi Văn	Nam	25/01/1994	CT16CK1				**0**		
16311CK0596	Bùi Minh	Nhân	01/12/1996	CT16CK1				**0**		(2)
16311CK0076	Nguyễn Văn Minh	Nhật	20/04/1997	CT16CK1	4045	4133	6461	**3**	8	
16311CK0225	Đinh Viết	Phi	06/04/1998	CT16CK1	3700	3838	6126	**3**	9.6	
16311CK0293	Đặng Thanh	Phong	15/10/1997	CT16CK1	5401	7128	5608	**3**	7.6	
16311CK0570	Nguyễn Tân	Phong	25/01/1998	CT16CK1	4021	4334	6360	**3**	7.2	
16411CK0469	Nguyễn Ngọc	Phúc	18/02/1998	CT16CK1	3786	6642	4018	**3**	9.2	

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra

(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD

Khoa Cơ khí Chế tạo máy *MS.1,2,3: Mã số phiếu điểm danh buổi 1,2,3*

MSSV	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MS.1	MS.2	MS.3	Số buổi	Điểm Ktra	Ghi chú
16311CK0394	Hoàng Minh	Sang	07/03/1995	CT16CK1				**0**		(2)
16411CK0066	Bùi Thanh	Sang	13/07/1998	CT16CK1	4798	3864		**2**	8.8	
16311CK0435	Lê Thanh	Sơn	11/08/1998	CT16CK1				**0**		
16311CK0376	Nguyễn Anh	Tài	21/12/1998	CT16CK1	4712	3912	6069	**3**	10	
16411CK0145	Phạm Tấn	Tài	11/04/1995	CT16CK1				**0**		
16411CK0576	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	04/02/1998	CT16CK1				**0**		
16311CK0558	Tiêu Vinh	Thắng	17/09/1997	CT16CK1				**0**		
16311CK2629	Nguyễn Hữu	Thắng	12/04/1995	CT16CK1				**0**		
16411CK0131	Nguyễn Hữu	Thắng	24/04/1998	CT16CK1	4481	6484	4366	**3**	9.2	
16311CK2647	Huỳnh Đình	Thành	07/08/1996	CT16CK1				**0**		
16411CK0412	Vương Công	Thành	14/11/1998	CT16CK1	4790	6305	3686	**3**	9.2	
16311CK0260	Nguyễn Đình	Thạnh	20/06/1996	CT16CK1				**0**		
16311CK0160	Nguyễn Phong	Thiện	08/09/1997	CT16CK1	6181			**1**	7.2	
16311CK0614	Nguyễn Chí	Thiện	03/01/1998	CT16CK1				**0**		
16311CK2631	Đỗ	Thiện	24/07/1997	CT16CK1				**0**		
16311CK0127	Trần Đức	Thịnh	15/01/1998	CT16CK1	4833	3853	6317	**3**	10	
16311CK0533	Phan Hoài	Thuận	28/01/1995	CT16CK1				**0**		
16311CK0624	Hồ Sỹ	Thương	27/05/1998	CT16CK1				**0**		
16411CK0317	Nguyễn Huỳnh	Ti	08/08/1998	CT16CK1				**0**		
16411CK0589	Võ Minh	Tiến	16/03/1996	CT16CK1	4252			**1**	7.2	
16411CK0004	Võ Đức	Tín	17/11/1997	CT16CK1	4051	3538		**2**		(1)
16411CK0428	Trần Văn	Tĩnh	20/11/1998	CT16CK1				**0**		
16311CK0532	Lê Thanh	Toàn	20/12/1998	CT16CK1	4464	3758	6057	**3**	8.8	
16311CK2638	Huỳnh Minh	Toàn	25/12/1994	CT16CK1				**0**		
16411CK0216	Kiều Ngọc	Trịnh	27/06/1997	CT16CK1	4162	6452		**2**	6.8	
16311CK0630	Đỗ Ngọc	Trọng	24/06/1998	CT16CK1				**0**		
16311CK0057	Nguyễn Khắc	Vũ	08/01/1996	CT16CK1	4624	4378	6568	**3**	10	
16311CK0130	Nguyễn	Vũ	13/08/1996	CT16CK1				**0**		
16411CK0599	Lê Văn	Xanh	27/09/1998	CT16CK1				**0**		

Lưu ý: *Danh sách HSSV được sắp xếp theo lớp / theo tên HSSV*
Số buổi SHCD cho HSSV khóa mới 2016: 03 buổi; khóa cũ: 02 buổi

PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ - HSSV

(1): HSSV có tham gia SHCD, nhưng không làm bài kiểm tra
(2): HSSV bị hủy kết quả làm bài kiểm tra do không tham gia SHCD